

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số: 357 /CBTT-XNK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Mã chứng khoán: KGM
- Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại liên hệ: (0297) 3863 491 Fax: (0297) 3862 309
- E-mail: info@kigimex.com.vn Website: <https://www.kigimex.com.vn>
- Người thực hiện CBTT: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ  Bất thường  Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Cập nhật tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/3/2023 tại đường dẫn <https://www.kigimex.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CBTT;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Dương Thị Thanh Nguyệt*





# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

## CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Bắt đầu lúc 9h00 ngày 28 tháng 3 năm 2023)

Thời gian	Nội dung
8h30' - 9h00'	<b>Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;</li><li>- Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội.</li></ul>
9h00' - 9h10'	<b>Khai mạc Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;</li><li>- Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;</li><li>- Giới thiệu Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu;</li><li>- Thông qua Quy chế làm việc (ĐH biểu quyết);</li><li>- Thông qua chương trình Đại hội (ĐH biểu quyết).</li></ul>
9h10' - 9h50'	<b>Nội dung Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023;</li><li>- Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023;</li><li>- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 (Xem tài liệu).</li></ul>
9h50' - 10h15'	<b>Các tờ trình Đại hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;</li><li>- Tờ trình kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023;</li><li>- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023;</li><li>- Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2023;</li><li>- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;</li><li>- Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026;</li><li>- Tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026.</li></ul>
10h15' - 10h25'	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.
10h25' - 10h35'	- Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết.
10h35' - 10h40'	- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.



<p><b>10h40' - 11h10'</b></p>	<p><b>Đại hội bầu cử:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS (<i>ĐH biểu quyết</i>);</li> <li>- Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS;</li> <li>- Nghi giải lao (<i>tại chỗ</i>) - Kiểm phiếu bầu cử;</li> <li>- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, BKS.</li> </ul>
<p><b>11h10' - 11h40'</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời phát biểu của Lãnh đạo Tổng công ty;</li> <li>- Ban thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ;</li> <li>- Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.</li> </ul>
<p><b>11h40' - 11h45'</b></p>	<p><b>Tuyên bố bế mạc Đại hội.</b></p>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: /QC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2023

### QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

#### 1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

#### 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

#### 3. GIẢI THÍCH TỪ VIẾT TẮT

- |                  |  |
|------------------|--|
| - Công ty        | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. |
| - HĐQT           | Hội đồng quản trị.                         |
| - BKS            | Ban kiểm soát.                             |
| - Kiểm soát viên | Thành viên Ban kiểm soát                   |



- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- BTC Ban Tổ chức
- Đại biểu Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

#### **4. NỘI DUNG QUY CHẾ**

##### **4.1 Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ (điều 19 Điều lệ Công ty)**

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu dự họp trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành được nêu ở phần trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

##### **4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày **27/02/2023** đều có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

##### **4.3 Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

##### **4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.



- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa**

- Đoàn chủ tọa gồm 04 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 03 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tiến hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:

+ Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

+ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **4.6 Thư ký Đại hội**

- Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm Thư ký ĐHĐCĐ.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

+ Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;



+ Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

#### **4.7 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu**

- Chủ tọa đại hội cử 03 người làm Ban Kiểm tra tư cách đại biểu để phục vụ cuộc họp, bao gồm: 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:

+ Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;

+ Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp theo quy định của điều 141 Luật Doanh nghiệp, đại diện đủ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

#### **4.8 Ban Kiểm phiếu**

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa cuộc họp giới thiệu để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Các ứng viên tham gia đề cử, ứng cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

+ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử;

+ Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử;

+ Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho Thư ký;

+ Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

#### **4.9 Phát biểu tại Đại hội**

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp và đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

##### **4.10.1 Nguyên tắc**



- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS; Thành phần Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

#### **4.10.2 Cách thức biểu quyết**

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án tán thành, không tán thành, Không có ý kiến được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

#### **4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**



- Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự. Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (*Báo cáo, Tờ trình*) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### **4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết**

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 27/02/2023) tổng số cổ phần của Công ty là: 25.430.000 cổ phần tương đương với 25.430.000 quyền biểu quyết.

Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số nội dung được quy định tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 điều 148 Luật Doanh nghiệp.

#### **4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **4.11 Bầu cử thành viên HĐQT, BKS**

Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

#### **4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ**

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **5. THỰC HIỆN**



- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

+ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh/phòng ngừa dịch bệnh khác;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh/phòng ngừa dịch bệnh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 29 /BC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2023

### **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

Năm 2022, thế giới có nhiều biến động như lạm phát tăng cao, biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp tại một số nước lớn, đặc biệt cuộc xung đột giữa Nga và U-Crai-na, tác động của hậu Covid 19 ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của nhiều nước trên thế giới đặc biệt là sự suy thoái kinh tế của các nước Châu phi.

Ngoài ra, diễn biến kinh tế chính trị trong nước đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: Các ngân hàng siết chặt Room tín dụng, tăng lãi suất, tỷ giá biến động với biên độ lớn, đặc biệt chính sách điều chỉnh biên độ tỷ giá từ mức +/- 03% lên +/- 05% có hiệu lực kể từ ngày 17/10/2022 của Ngân hàng Nhà nước; điều chỉnh chính sách điều hành giá xăng dầu,...

Từ diễn biến tình hình thế giới và trong nước năm 2022 đã tác động đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, quyết tâm và đồng thuận trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cùng toàn thể cán bộ, người lao động Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đã tổ chức triển khai thực hiện kịp thời các chủ trương, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đạt được kết quả như sau:

#### **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

##### **1. Kết quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện đạt, vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 như sau:



T T	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh thực hiện với kế hoạch 2022 (%)
<b>1</b>	<b>Mua vào</b>				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	316.304	126,5
b	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1.120	1.410	125,9
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	20,01	100,1
<b>2</b>	<b>Bán ra</b>				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	327.272	130,9
b	Cá cơm	Tấn	280	293	104,7
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	20,75	103,8
<b>3</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tr. USD</b>	<b>121</b>	<b>131</b>	<b>108,6</b>
<b>4</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3.450</b>	<b>4.258</b>	<b>123,4</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10,90</b>	<b>10,96</b>	<b>100,5</b>
<b>6</b>	<b>Nộp ngân sách (số phải nộp)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>Theo quy định</b>	<b>7</b>	

**\* Thuyết minh thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2022**

- Mua vào:

+ Lúa gạo (*Quy gạo*): 316.304 tấn, đạt 126,5% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Cá cơm (*Quy tươi*): 1.410 tấn, đạt 125,9% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Xăng dầu: 20,01 triệu lít, đạt 100,1% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Bán ra:

+ Lúa gạo (*Quy gạo*): 327.272 tấn, đạt 130,9% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Cá cơm (*Thành phẩm*): 293 tấn, đạt 104,7% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Xăng dầu: 20,8 triệu lít, đạt 103,8% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Doanh thu: 4.258 tỷ đồng, đạt 123,4% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Lợi nhuận: Lãi 10,96 tỷ đồng, đạt 100,5% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Nộp ngân sách: 7 tỷ đồng (*Công ty thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật*).

**2. Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2022**

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022: Công ty đã triển khai được 11/16 hạng mục, tổng giá trị thực hiện 6,0 tỷ đồng, đạt 40,6% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ (*Nghị quyết ĐHĐCĐ 14,77 tỷ đồng*). Trong đó: Vốn vay là 3,6 tỷ đồng, vốn công ty và quỹ đầu tư phát triển là 2,4 tỷ đồng.

Nguyên nhân, chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch được duyệt là do:



- 03 hạng mục chưa thực hiện xin chuyển tiếp sang năm 2023: (1) Đầu tư tàu thu mua cá com (tàu đã qua sử dụng) thuộc Xí nghiệp Hòn Chông do đơn vị bán chưa thực hiện kịp thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn tàu cá kịp thời; (2) Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên, (3) Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn thuộc Xí nghiệp An Bình do ngành hàng xăng dầu trong năm gặp khó khăn do đó việc đầu tư được chuyển qua năm 2023.

- 02 hạng mục không thực hiện đầu tư: (1) Đầu tư băng tải ngang nhập xuất hàng thuộc Xí nghiệp Vĩnh Thắng do Xí nghiệp tận dụng băng tải cũ sử dụng lại nên không đầu tư mới; (2) Mua mới xe tải 750 kg cho Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao thuộc Xí nghiệp An Hòa do Xí nghiệp đã tận dụng phương tiện xe cũ để giảm phát sinh chi phí.

Ngoài ra, trong năm 2022 có 02 hạng mục đầu tư mang tính cấp thiết để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, cụ thể:

- Đầu tư 01 máy dò kim loại tại Xí nghiệp Sơn Thuận để đáp ứng yêu cầu của khách hàng nước ngoài, bắt buộc gạo phải qua máy dò kim loại đạt yêu cầu mới xuất được hàng.

- Đầu tư 01 máy phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp An Bình thay thế máy cũ không đủ công suất và Cơ quan phòng cháy chữa cháy yêu cầu phải thay thế máy mới có công suất lớn hơn để đảm bảo quy định về công tác an toàn phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp theo quy định.

Công tác đầu tư được Công ty tổ chức thực hiện đúng quy trình và thủ tục pháp lý theo quy chế quản lý nội bộ và quy định của Pháp luật trong lĩnh vực quản lý công tác đầu tư.

3. Về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong năm 2022

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông. Chi tiết tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty được báo cáo tại Tờ trình về tiền lương, thù lao trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

4. Về hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị

Từng thành viên trong Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ theo Điều lệ của công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của Hội đồng quản trị; thường xuyên định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chiến lược kế hoạch kinh doanh toàn Công ty, thực hiện giao nhiệm vụ và các nguồn lực cần thiết để Ban điều hành triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm với quyết định của mình; thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban điều hành trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.



## 5. Các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị

Năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 17 cuộc họp, trong đó có 14 cuộc họp trực tiếp, 01 cuộc họp trực tuyến và 02 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội đồng quản trị để định hướng chỉ đạo Ban điều hành lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng Điều lệ, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã ban hành 33 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, huy động vốn, đầu tư, lựa chọn đơn vị kiểm toán, chi trả cổ tức, tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ Công ty. (Đính kèm phụ lục 01: Nghị quyết của HĐQT năm 2022)

## 6. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất. Trong quá trình điều hành Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Tổng giám đốc chủ động, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp, thay đổi của thị trường trong nước và thế giới, điều chỉnh phương pháp quản trị doanh nghiệp phù hợp theo từng thời điểm, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu dưới 03 lần.
- Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Công tác đầu tư, mua sắm của công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 22/4/2022 theo đúng quy định.

Kết quả giám sát:

Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty được thực hiện tốt.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động rà soát, kiểm soát tốt việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, các định hướng, kế hoạch của Hội



đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được ban điều hành triển khai thực hiện đúng kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

#### 8. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty

Trong năm 2022 Công ty có ký hợp đồng mua hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (Công ty mẹ) theo đúng Điều lệ và quy định của Pháp luật.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2023

#### 1. Dự báo tình hình

Những ảnh hưởng của năm 2022 như lạm phát tăng cao, biến đổi khí hậu, tác động của hậu Covid-19, giá năng lượng tăng, biến động tỷ giá của các nước, chính sách nhập khẩu của các nước khó lường,... sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng. Trong năm 2023 dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng sẽ chịu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh như: Khó khăn trong huy động vốn, ngân hàng siết Room tín dụng, lãi suất cho vay cao, biến động tỷ giá, chính sách điều hành xăng dầu của liên Bộ Công thương và Bộ Tài chính, chính sách nhập khẩu lương thực của các nước, nguồn nguyên liệu Cá cơm tiếp tục khan hiếm và tăng dần mỗi cạnh tranh... Vì vậy, Công ty cần có sự nỗ lực cao, tập trung và đồng thuận cao để triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 với những nội dung sau:

#### 2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD

##### 1.1. Sản lượng mua vào:

- Lương thực (quy gạo) : 250.000 tấn
- Cá cơm (quy tươi) : 1.120 tấn
- Xăng dầu : 20 triệu lít

##### 1.2. Sản lượng bán ra:

- Lương thực (quy gạo) : 250.000 tấn
- Cá cơm : 280 tấn
- Xăng dầu : 20 triệu lít

1.3. Doanh thu : 3.563 tỷ đồng

1.4. Lợi nhuận : 11 tỷ đồng (Không tính thu nhập bán tài sản)

1.5. Nộp ngân sách : Thực hiện theo quy định

#### 3. Kế hoạch đầu tư năm 2023

Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2023 là 10,81 tỷ đồng (bao gồm 03 hạng mục đầu tư năm 2022 chuyển sang 6,5 tỷ đồng), trong đó: (i) Vốn vay tối đa 5,15 tỷ đồng, (ii) Vốn Công ty và Quỹ đầu tư phát triển 5,66 tỷ đồng.

(Đính kèm phụ lục 02: Danh mục kế hoạch đầu tư năm 2023).

#### 4. Định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Năm 2023 với phương châm hành động là “**Đoàn kết – Sáng tạo – Tiết kiệm – Hiệu quả**” trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng năm 2023, Công ty đạt mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Theo



đó, HĐQT Công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm để giám sát và chỉ đạo ban điều hành thực hiện trong năm 2023, như sau:

Tuân thủ các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

Tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định của Pháp luật trong quản lý, lãnh đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thường xuyên rà soát lại các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

Tổ chức thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình quản trị tập trung về tài chính, kinh doanh, đầu tư và quản lý khai thác tài sản hiệu quả để phát huy nguồn lực toàn Công ty.

Tổ chức triển khai đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư đã được Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ thông qua.

Tăng cường công tác theo dõi, quản lý tiền hàng và thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế tối đa rủi ro xảy ra.

Tăng cường xây dựng chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, nhất là nhân sự kinh doanh xuất nhập khẩu, có khả năng phát triển thị trường, bán hàng.

Tập trung đầu tư các hạng mục năng cấp, sửa chữa hoàn thiện dây chuyền máy móc thiết bị nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng của tài sản đã đầu tư. Đẩy nhanh việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ không cần dùng, ít dùng, không hiệu quả để thu hồi vốn và giảm định phí.

Tổ chức thực hiện chủ trương chuyển đổi số theo lộ trình, kế hoạch và định hướng của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.



**Bạch Ngọc Văn**



**Phụ lục 01: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2022**

**Đính kèm báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022  
và phương hướng nhiệm vụ năm 2023)**

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Phụ ghi
1.	03/NQ-XNK-HĐQT	21/1/2022	Về việc thông qua dự thảo lần 01 chương trình, báo cáo và các tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	
2.	16/NQ-XNK-HĐQT	26/1/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022	
3.	23/NQ-XNK-HĐQT	20/2/2022	Về việc phê duyệt huy động hạn mức tín dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và thế chấp tài sản tại các ngân hàng	
4.	25/NQ-XNK-HĐQT	20/2/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM	
5.	28A/NQ-XNK-HĐQT	11/2/2022	Về việc thông qua ký hợp đồng uỷ thác xuất khẩu gạo giữa Công ty với TCty Lương thực miền Nam – CTCP.	
6.	29/NQ-XNK-HĐQT	1/3/2022	Về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	
7.	31/NQ-XNK-HĐQT	1/3/2022	Về việc xin chủ trương đầu tư trước một số hạng mục phục vụ sản xuất năm 2022 tại các Xí nghiệp CBLT XK	
8.	37/NQ-XNK-HĐQT	15/3/2022	Về việc bầu chức danh Chủ tịch và phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang nhiệm kỳ 2021 – 2026	
9.	44/NQ-XNK-HĐQT	30/3/2022	Về việc thông qua thời gian, địa điểm và tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	
10.	46/NQ-XNK-HĐQT	30/3/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 và thế chấp tài sản dài hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang	
11.	48/NQ-XNK-HĐQT	30/3/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	



ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Phụ ghi
12.	60/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc chi cô tức năm 2021 bằng tiền mặt của Công ty CP XNK Kiên Giang	
13.	62/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc	
14.	64/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 và thế chấp tài sản tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	
15.	66/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh HCM	
16.	68/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở Miền Nam	
17.	70/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Kiên Giang	
18.	72/NQ-XNK-HĐQT	16/5/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	
19.	82/NQ-XNK-HĐQT	28/6/2022	Về việc chọn Công ty Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2022	
20.	85/NQ-XNK-HĐQT	8/7/2022	Về việc họp HĐQT mở rộng về tiền lương, lao động, TCKT, đầu tư và khai thác tài sản, XNK, KHKD	
21.	102/NQ-XNK-HĐQT	12/8/2022	Về việc đầu tư bổ sung cân bàn phục vụ SXCB Cá Cơm tại Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	
22.	104/NQ-XNK-HĐQT	12/8/2022	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2022 tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở Miền Nam	



ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Phụ ghi
23.	106/NQ-XNK-HĐQT	12/8/2022	Về việc xin phê duyệt hạn mức vay vốn theo hợp đồng bán gạo xuất khẩu số 22/P/10045, 22/P/10047 và 22/P/10048 ngày 02/8/2022 tại ngân hàng TMCP ĐT và PTVN - Chi nhánh Phú Quốc	
24.	114/NQ-XNK-HĐQT	9/9/2022	Về việc thanh lý tài sản, CCDC, bao bì không cần dùng của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	
25.	115/NQ-XNK-HĐQT	9/9/2022	Về việc ký kết hợp đồng uỷ thác xuất khẩu gạo với Tổng công ty Lương thực miền Nam	
26.	118/NQ-XNK-HĐQT	15/9/2022	Về việc ký kết hợp đồng mua bán gạo xuất khẩu với khách hàng là Công ty cổ phần xây lắp cơ khí và lương thực thực phẩm	
27.	125/NQ-XNK-HĐQT	15/10/2022	Về việc ký kết hợp đồng mua bán gạo xuất khẩu với khách hàng là Công ty Lương thực Long An	
28.	124/NQ-XNK-HĐQT	20/10/2022	Về việc điều chỉnh giá hợp đồng Japonica cho số lượng 10.000 tấn gạo Japonica đang giao của các hợp đồng Công ty đã ký với doanh nghiệp	
29.	138/NQ-XNK-HĐQT	4/11/2022	Về việc ký kết hợp đồng thi công gói thầu đầu tư hệ thống băng tải bao nhập hàng kho lúa thuộc công trình Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận với Công ty Cổ phần Xây lắp cơ khí và lương thực Thực phẩm	
30.	139/NQ-XNK-HĐQT	5/11/2022	Về việc xin phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản cố định không cần dùng của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang	
31.	141/NQ-XNK-HĐQT	5/11/2022	Về việc duyệt nguồn vốn đầu tư, mua sắm - XDCB năm 2022 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	



ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Phụ ghi
32.	146/NQ-XNK-HĐQT	6/12/2022	Về việc thông qua đầu tư máy dò kim loại tại Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu Sơn Thuận, trực thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	
33.	147/NQ-XNK-HĐQT	6/12/2022	Về việc thông qua đầu tư máy bơm cho hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình, trực thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	



**Phụ lục 02: Danh mục kế hoạch đầu tư năm 2023**  
**(Đính kèm báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022**  
**và phương hướng nhiệm vụ năm 2023)**

TT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2023 (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay tối đa	Vốn Cty & Quỹ ĐTPT	
<b>I.</b>	<b>CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2022</b>	<b>6.500</b>	<b>4.200</b>	<b>2.300</b>	
<b>1.</b>	<b>Xí nghiệp Hòn Chông</b>	<b>4.500</b>	<b>3.150</b>	<b>1.350</b>	
1.1	Đầu tư tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	4.500	3.150	1.350	
<b>2.</b>	<b>Xí nghiệp An Bình</b>	<b>2.000</b>	<b>1.050</b>	<b>950</b>	
2.1	Đầu tư Cửa hàng xăng dầu An Biên	1.500	1.050	450	
2.2	Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn	500		500	
<b>II.</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2023</b>	<b>4.310</b>	<b>945</b>	<b>3.365</b>	
<b>1.</b>	<b>Xí nghiệp Hòn Chông</b>	<b>2.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	
1.1	Đầu tư mở rộng Giàn phơi - Vĩ (Dự kiến 850 mét dài + 5.000 cái vĩ)	500		500	
1.2	Đầu tư mở rộng 5.000 m <sup>2</sup> sân phơi (Nâng nền khu đất đối diện, xây hàng rào bao quanh)	1.500		1.500	
<b>2.</b>	<b>Xí nghiệp Thạnh Hưng</b>	<b>260</b>		<b>260</b>	
2.1	Đầu tư hệ thống báo cháy tự động	260		260	
<b>3.</b>	<b>Xí nghiệp An Bình</b>	<b>300</b>		<b>300</b>	
3.1	Hàng rào bảo vệ sau kho	300		300	
<b>4.</b>	<b>Văn phòng Công ty</b>	<b>1.750</b>	<b>945</b>	<b>805</b>	
4.1	Mua mới 01 xe ô tô 7 chỗ	1.350	945	405	
4.2	Kinh phí hạng mục chuyển đổi số	300		300	
4.3	Đầu tư máy bơm PCCC	100		100	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.810</b>	<b>5.145</b>	<b>5.665</b>	

\* Ghi chú: Giá trị trên chưa bao gồm thuế, phí các loại theo quy định.





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 03 / BC-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2023

### **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Kiên Giang.

*Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang;*

*Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2022;*

*Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.*

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS năm 2023 với các nội dung sau:

#### **I. Tình hình hoạt động chung của Ban Kiểm soát**

##### **1. Các thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát gồm có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu cụ thể:

- Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng ban kiểm soát chuyên trách;
- Ông Nguyễn Trường Giang – thành viên BKS kiêm nhiệm;
- Bà Vũ Thị Minh Hiền – thành viên BKS kiêm nhiệm.

##### **2. Các hoạt động Ban kiểm soát đã thực hiện**

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Thực hiện việc giám sát hoạt động và tuân thủ pháp luật theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý điều hành công ty;

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán;



- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, kiểm tra sổ sách báo cáo kế toán của công ty theo định kỳ 6 tháng/năm.

### 3. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ. Các thành viên BKS kiêm nhiệm được hưởng thù lao, tổng thù lao năm trong hạn mức đã được phê duyệt là 4 triệu đồng/người/tháng.

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là chi cho các khoản công tác phí đi lại kiểm tra tại các đơn vị định kỳ, được Công ty thanh toán đúng theo quy định pháp luật.

### 4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, họp định kỳ 6 tháng, các thành viên tham gia trao đổi và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp. Các cuộc họp của Ban kiểm soát thảo luận về các vấn đề liên quan đến kế hoạch công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá các mặt làm được và chưa làm được tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc, trong các cuộc họp cả 3 thành viên cùng thống nhất với các kết quả kiểm tra và kiến nghị đã được nêu tại các báo cáo kiểm tra.

## II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty

### 1. Thẩm định báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần XNK Kiên Giang thông qua việc giám sát, kiểm tra và kết hợp trao đổi thường xuyên với các phòng ban Công ty. Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo định kỳ đúng quy định.

- Ý kiến thẩm định: Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam về báo cáo tài chính của Công ty năm 2022. Báo cáo được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt nam và các qui định của pháp luật hiện hành.

- Báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2022, Vốn điều lệ của Công ty là 254.300.000.000 đồng chia làm 25.430.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:

T	Cổ đông	Số tiền vốn góp (tr. đồng)	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
1	Tổng công ty Lương thực miền Nam	211.848	21.184.800	83,31%
2	Ông Đặng Quốc Việt	26.430	2.643.000	10,39%
3	Cổ đông khác	16.022	1.602.200	6,30%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>254.300</b>	<b>25.430.000</b>	<b>100,00%</b>

### 2. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2022 về kết quả kinh doanh

#### 2.1. Kết quả kinh doanh



T T	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh thực hiện với kế hoạch 2022 (%)
<b>1</b>	<b>Mua vào</b>				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	316.304	126,52
b	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1.120	1.410	125,90
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	20,01	100,06
<b>2</b>	<b>Bán ra</b>				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	327.272	130,91
b	Cá cơm	Tấn	280	293	104,69
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	20,75	103,77
<b>3</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tr. USD</b>	<b>121</b>	<b>131</b>	<b>108,63</b>
<b>4</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>3.450</b>	<b>4.258</b>	<b>123,40</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>10,90</b>	<b>10,96</b>	<b>100,52</b>
<b>6</b>	<b>Nộp ngân sách (số phải nộp)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>Theo quy định</b>	<b>7</b>	

Kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

+ Ngành hàng lương thực	9.253.913.907 đồng
+ Ngành hàng Cá Cơm	2.131.728.637 đồng
+ Ngành hàng xăng dầu	- 429.305.943 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	10.956.336.601 đồng
- Thuế TNDN hiện hành	5.275.679.625 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	<b>5.680.656.976 đồng</b>
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp CSH : 2,23%	

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,39	2,82
2. Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,60	0,77
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,09	1,09
3. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%)	0,38	0,26
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	0,30	0,13



- Tỷ suất LNTT/Vốn góp chủ sở hữu (%)	7,00	4,31
- Tỷ suất LNST/Vốn góp chủ sở hữu (%)	5,44	2,23
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	544	223

Qua phân tích kết quả kinh doanh năm 2022 Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra do:

- Công ty được sự quan tâm hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần và Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty thực hiện tốt công tác dự báo tình hình mùa vụ, để có kế hoạch mua vào bán ra hợp lý đặt biệt trong vụ Đông Xuân 2021-2022.

- Duy trì và mở rộng hệ thống nhà cung ứng có tiềm năng và uy tín trên thị trường, có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống.

- Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty có được sự quyết tâm đoàn kết của tập thể Ban Lãnh đạo và CB.NV trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

## 2.2. Về hoạt động đầu tư năm 2022

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022: Công ty đã triển khai được 11/16 hạng mục, tổng giá trị thực hiện 5,992 tỷ đồng, đạt 40,57% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó: Vốn vay là 3,589 tỷ đồng, vốn công ty và quỹ đầu tư phát triển là 2,403 tỷ đồng.

Nguyên nhân, chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch được duyệt là do:

Chuyển tiếp sang năm 2023: 03 hạng mục (1) Đầu tư tàu thu mua cá cơm (tàu đã qua sử dụng) thuộc Xí nghiệp Hòn Chông do đơn vị bán chưa thực hiện kịp thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn tàu cá; (2) Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên, (3) Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn thuộc Xí nghiệp An Bình do ngành hàng xăng dầu trong năm gặp khó khăn do đó gián thời gian đầu tư chuyển qua năm 2023.

02 hạng mục không thực hiện đầu tư: (1) Đầu tư băng tải ngang nhập xuất hàng thuộc Xí nghiệp Vĩnh Thắng do Xí nghiệp tận dụng băng tải cũ sử dụng lại nên không đầu tư mới; (2) Mua mới xe tải 750 kg cho Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao thuộc Xí nghiệp An Hòa do Xí nghiệp chưa có nhu cầu sử dụng.

Ngoài ra, trong năm 2022 có 02 hạng mục đầu tư mang tính cấp thiết để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, cụ thể:

- Đầu tư 01 máy dò kim loại tại Xí nghiệp Sơn Thuận để đáp ứng yêu cầu của khách xuất khẩu, bắt buộc gạo phải qua máy dò kim loại đạt yêu cầu mới xuất được hàng.



- Đầu tư 01 máy phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp An Bình thay thế máy cũ không đủ công suất và Cơ quan phòng cháy chữa cháy yêu cầu phải thay thế máy mới có công suất lớn hơn để đảm bảo quy định về công tác an toàn PCCC, PCCN tại Xí nghiệp theo quy định.

Công tác đầu tư được thực hiện đúng thủ tục pháp lý tuân thủ theo Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các Bộ Ngành liên quan và Quy chế của Công ty ban hành.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã triển khai nghiêm túc các kế hoạch đầu tư theo đúng định hướng phát triển của công ty.

### **III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Về nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã thực hiện với kết quả như sau:

- Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;

- Công ty đã thực hiện chi tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, ban điều hành năm 2022 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hoàn thành và vượt mức kế hoạch đề ra theo NQ Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 cụ thể như sau:

+ Chi cổ tức:	11.138.340.000 đồng
+ Quỹ thưởng người quản lý:	138.273.188 đồng
+ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:	1.069.973.749 đồng
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển:	1.382.731.882 đồng
+ Trích quỹ tham gia từ thiện xã hội	100.000.000 đồng

### **IV. Đánh giá về các giao dịch mua, bán với các bên có liên quan với công ty**

Trong năm 2022 Công ty đã ký hợp đồng mua hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (Công ty mẹ) và các bên có liên quan theo đúng quy định, Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

### **V. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT**

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2022 đều thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty cụ thể:

- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;

- Họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất xem xét, đánh giá tình hình SXKD từng tháng, quý và đề ra các giải pháp, phương hướng cho quý tiếp theo;

- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;



- Giữa HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai đúng quy định.

## **VI. Đánh giá công tác điều hành của ban TGD**

Ban TGD đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty. Năm 2022 với sự nỗ lực và quyết tâm cao của Ban điều hành và tập thể người lao động đã hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty, đây cũng là kết quả rất đáng trân trọng.

## **VII. Một số đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị**

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng và thực hiện mục tiêu chiến lược kinh doanh trong năm 2023. Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các qui định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại Công ty;

- Tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng đầu vào, đầu ra của công ty nhằm giảm tối đa giá thành sản xuất, tăng cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành;

- Có chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống song song với mở rộng mạng lưới khách hàng mới, tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường của 3 ngành hàng để có kế hoạch mua vào, bán ra phù hợp;

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng hàng tồn kho, công tác thu hồi công nợ, tiết giảm tối đa chi phí, tăng lợi nhuận cho Công ty.

## **VIII. Kế hoạch kiểm tra giám sát, và thù lao chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023**

1. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc;

2. Giám sát việc chấp hành điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, quy định, quy chế công ty;

3. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm của công ty;

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư trong năm 2023;

5. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, quyết toán quỹ tiền lương, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí;

6. Kiểm tra tính tuân thủ, tình hình quản lý tài chính trong các hoạt động kinh doanh;

7. Lập các báo cáo giám sát định kỳ theo quy định.

8. Dự kiến chi phí hoạt động và thù lao BKS



- Dự kiến chi phí hoạt động năm 2023: Chi cho các đợt đi kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc khoảng 100 triệu/ năm.

- Thù lao BKS thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.

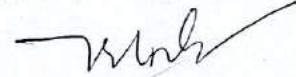
Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát năm 2023 kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp./.

*\* Nơi nhận:*

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



*Trần Thị Mai Trinh*







## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang  
Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 236./BC-XNK-KHKD

Kiên Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;*

*Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.*

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, như sau:

#### **I. KHÁI QUÁT CHUNG**

##### **1. Thuận lợi**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của cổ đông lớn là Tổng công ty Lương thực miền Nam và Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.

- Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn quyết tâm, đoàn kết và cùng với cán bộ, nhân viên Công ty hợp thành một thể thống nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD.

##### **2. Khó khăn**

Tình hình chính trị - xã hội trên thế giới còn nhiều bất ổn như hậu quả sau covid, chiến tranh Nga-Ukraina nên tác động tiêu cực lên nền kinh tế thế giới: giá dầu biến động bất thường, lạm phát kéo dài, tỷ giá biến động khó lường,...

- Ngành gạo: Philippines-thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam, thay đổi chính sách nhập khẩu gạo làm giá gạo xuất khẩu liên tục giảm. Thị trường Châu Phi chịu tác động của suy thoái kinh tế, lạm phát tăng, tỷ giá đồng nội tệ của một số nước tăng cao. Cước tàu biển tăng cao làm người mua khó thuê được tàu, nhiều đơn hàng của Công ty phải gia hạn giao hàng hoặc hàng đưa lên cảng phải chuyển về nhập kho, phát sinh chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.



- Ngành xăng dầu, cá com cũng chịu tác động như: nguồn cung xăng dầu, giá cả không ổn định, mức chiết khấu không còn hiệu quả...; thị trường tiêu thụ cá com chưa phục hồi, cạnh tranh giá gay gắt, trong khi chi phí khai thác tăng...

- Tình hình tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng trong năm gặp nhiều khó khăn do chính sách siết chặt “room” tín dụng để kèm chế lạm phát, lãi suất trong 6 tháng cuối năm biến động tăng liên tục và tăng mạnh (lãi suất vay USD tăng từ 3,6%/năm lên 6,5%/năm và lãi suất vay VND tăng từ 6,5%/năm lên 9%/năm).

Do hiệu ứng “domino” từ việc lãi suất tăng, giá dầu biến động kéo theo giá nguyên vật liệu, chi phí làm hàng, bao bì, vận chuyển,... tăng, làm tăng chi phí tài chính, chi phí bán hàng (theo điều kiện giá FOB-bao 50 kg) so với kế hoạch.

Tóm lại tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 có khó khăn và thuận lợi đan xen giữa các ngành hàng. Đặc biệt là ngành gạo - ngành hàng chủ lực của Công ty, nhiều đơn hàng bị giãn hoặc hủy, do đó ảnh hưởng rất lớn dòng tiền trả nợ các khoản vay đến hạn cho những tháng cuối năm.

Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm hỗ trợ sâu sát của cổ đông lớn là Tổng công ty Lương thực miền Nam; Hội đồng quản trị Công ty đã vận dụng thế mạnh nội tại và cơ hội có được để chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh ứng phó với những biến động khó khăn bằng những giải pháp, chiến lược như: tăng cường công tác dự báo thị trường, theo dõi chặt chẽ mùa vụ, phát triển sản lượng thương mại gạo Japonica bên cạnh mặt hàng chủ lực là gạo thơm... và đã tổ chức triển khai tốt kế hoạch SXKD năm 2022 đạt được kết quả như sau:

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

### 1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

ST T	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh thực hiện với kế hoạch	Phụ ghi
<b>1</b>	<b>Mua vào</b>					
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	316.304	126,5%	
b	Cá com (quy tươi)	Tấn	1.120	1.410	125,9%	
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	20,01	100,1%	
<b>2</b>	<b>Bán ra</b>					
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	327.272	130,9%	
b	Cá com (thành phẩm)	Tấn	280	293	104,7%	



c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	20,75	103,8%	
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	121	131	108,6%	
4	Doanh thu	Tỷ đồng	3.450	4.258	123,4%	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,90	10,96	100,4%	
6	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	Theo quy định	7,01		

## 2. Thuyết minh

### 2.1 Sản lượng mua vào, bán ra 03 ngành hàng

- Lúa, gạo (quy gạo): Mua vào 316.304 tấn, đạt 126,5% kế hoạch. Bán ra 327.272 tấn, đạt 130,9% kế hoạch.

- Cá cơm: Mua vào 1.410 tấn, đạt 125,9% kế hoạch. Bán ra 293 tấn, đạt 104,7% kế hoạch.

- Xăng dầu: Mua vào 20,01 triệu lít, đạt 100,1% kế hoạch. Bán ra 20,75 triệu lít, đạt 103,8% kế hoạch.

2.2. Kim ngạch xuất khẩu: 131 triệu USD, đạt 108,6% kế hoạch.

2.3. Doanh thu: 4.258 tỷ đồng, đạt 123,4% kế hoạch.

2.4. Lợi nhuận trước thuế: 10,96 tỷ đồng, đạt 100,5% kế hoạch.

2.5. Nộp ngân sách nhà nước (Số phải nộp): 7,01 tỷ đồng.

## III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Trên cơ sở số liệu thực hiện năm 2022 cho thấy: tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu, kim ngạch thực hiện thấp hơn chỉ số tăng trưởng về sản lượng bán ra so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước. Tuy mức độ chênh lệch không lớn, nhưng cũng biểu thị rằng giá bán bình quân không đạt được mức giá kỳ vọng theo kế hoạch và cùng kỳ. Trong khi đó, chi phí lãi vay và chi phí bán hàng tăng lên so với kế hoạch.

Điều đó chỉ ra rằng tình hình kinh doanh năm nay không thuận lợi, ảnh hưởng hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để thực hiện đạt lợi nhuận kế hoạch được giao, tập thể Ban Lãnh đạo và cán bộ, nhân viên Công ty phải phấn đấu, nỗ lực hết sức ở mọi mặt công tác, nhất là công tác bán hàng.

### 1. Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

Công ty đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch SXKD đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

- Thực hiện tốt công tác nắm bắt thông tin về thời vụ, thị trường; tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra việc mua bán hàng hóa đúng điều lệ, quy chế, quy



định, hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật, đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa.

- Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng; tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Thường xuyên đánh giá nhà cung ứng, phát triển hệ thống nhà cung ứng. Tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, có biện pháp hỗ trợ khi cần thiết. Trong giao dịch mua bán đánh giá chính xác khách hàng, lựa chọn khách hàng thực sự uy tín, an toàn. Giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối xăng dầu, nắm bắt thông tin về mức hoa hồng và chiết khấu, chính sách bán hàng trong từng thời điểm của doanh nghiệp. Chủ động nguồn hàng kịp thời, theo dõi thường xuyên diễn biến giá cả thị trường trong nước và quốc tế, bám sát chủ trương giá của Nhà nước, giữ được khách hàng ổn định cùng với tìm kiếm thêm khách hàng tiêu thụ.

## **2. Về quản lý sản xuất chế biến**

- Công ty thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bám sát mùa vụ, thị trường, tăng số lượng nhà cung ứng (hàng xáo), đẩy mạnh công tác mua vào, bán ra để đạt kế hoạch sản lượng và định phí.

- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên: (i) Giá nguyên liệu đầu vào thấp, nhưng phải đảm bảo chất lượng; (ii) Tiết kiệm chi phí trong sản xuất; (iii) Tăng tỷ lệ thu hồi.

- Sản xuất chế biến đảm bảo thực hiện theo quy chế quản lý sản xuất chế biến của Công ty, Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn ATVSTP để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

## **3. Về công tác tổ chức - nhân sự, lao động và tiền lương**

- Công ty thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với mô hình tổ chức toàn Công ty theo hướng tinh gọn, nâng cao phương thức quản trị, sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp; Định biên và kiện toàn các chức danh quản lý trong toàn Công ty.

- Về lao động và tiền lương

+ Về tình hình sử dụng lao động: Sau khi thực hiện sắp xếp lao động, tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2022 là 264 người, giảm 7,1% so với năm 2021 (giảm 20 người).

- Về tiền lương: Tổng quỹ tiền lương thực hiện là 21,87 tỷ đồng đạt 97,8% kế hoạch và giảm 15,3% so với năm 2021. Trong đó: Quỹ tiền lương ước thực hiện của người quản lý là 1,71 tỷ đồng, đạt 83,3% kế hoạch. Quỹ tiền lương ước thực hiện của người lao động là 20,18 tỷ đồng, đạt 99,4% kế hoạch. Tiền lương bình quân thực hiện là 6,66 triệu đồng/tháng, đạt 102% kế hoạch.

- Về chế độ chính sách: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, chi lương bổ sung trong các dịp lễ, Tết.

## **4. Về công tác quản lý tài chính kế toán**



- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên kiểm soát chi phí và các chỉ tiêu tài chính theo đúng quy định.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, đảm bảo có đủ nguồn vốn ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty đã được phê duyệt huy động vốn năm 2022 tại các tổ chức tín dụng với tổng hạn mức là 1.920 tỷ đồng và ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định (Theo Nghị quyết 23/NQ-XNK-HĐQT ngày 20/2/2022). Kết quả thực hiện như sau:

+ Trong năm 2022 Công ty đã tái ký hợp đồng hạn mức với 8 ngân hàng với tổng hạn mức 1.770 tỷ đồng. Thực hiện giải ngân 3.072 tỷ đồng, đạt 89,7% nhu cầu vốn năm 2022.

+ Số dư nợ vay đến 31/12/2022 là 619,45 tỷ đồng, cụ thể: Vay ngắn hạn là 614,14 tỷ đồng, vay dài hạn là 5,31 tỷ đồng.

+ Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 là: 2,83 lần, đúng theo quy định tại điều 20 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

Đánh giá chung, Công ty đã thực hiện sử dụng vốn vay đúng mục đích, đảm bảo cân đối đủ nguồn trả nợ gốc và lãi vay, không để phát sinh nợ quá hạn.

### **5. Về công tác đầu tư**

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022: Công ty đã triển khai được 11/16 hạng mục, tổng giá trị thực hiện 5,99 tỷ đồng, đạt 40,6% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ (Nghị quyết ĐHĐCĐ 14,77 tỷ đồng). Trong đó: Vốn vay là 3,59 tỷ đồng, vốn công ty và quỹ đầu tư phát triển là 2,40 tỷ đồng.

Nguyên nhân, chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch được duyệt là do:

- 03 hạng mục chưa thực hiện xin chuyển tiếp sang năm 2023: (1) Đầu tư tàu thu mua cá com (tàu đã qua sử dụng) thuộc Xí nghiệp Hòn Chông do đơn vị bán chưa thực hiện kịp thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn tàu cá kịp thời; (2) Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên, (3) Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn thuộc Xí nghiệp An Bình do ngành hàng xăng dầu trong năm gặp khó khăn do đó giãn thời gian đầu tư chuyển qua năm 2023.

- 02 hạng mục không thực hiện đầu tư: (1) Đầu tư băng tải ngang nhập xuất hàng thuộc Xí nghiệp Vĩnh Thắng do Xí nghiệp tận dụng băng tải cũ sử dụng lại nên không đầu tư mới; (2) Mua mới xe tải 750 kg cho Cửa hàng kinh doanh gạo chất lượng cao thuộc Xí nghiệp An Hòa do Xí nghiệp chưa có nhu cầu sử dụng.

Ngoài ra, trong năm 2022 có 02 hạng mục đầu tư mang tính cấp thiết để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, cụ thể:

- Đầu tư 01 máy dò kim loại tại Xí nghiệp Sơn Thuận để đáp ứng yêu cầu của khách xuất khẩu, bắt buộc gạo phải qua máy dò kim loại đạt yêu cầu mới xuất được hàng.



- Đầu tư 01 máy phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp An Bình thay thế máy cũ không đủ công suất và Cơ quan phòng cháy chữa cháy yêu cầu phải thay thế máy mới có công suất lớn hơn để đảm bảo quy định về công tác an toàn phòng cháy chữa cháy tại Xí nghiệp theo quy định.

Công tác đầu tư được Công ty tổ chức thực hiện đúng quy trình và thủ tục pháp lý theo quy chế quản lý nội bộ và quy định của Pháp luật trong lĩnh vực quản lý công tác đầu tư.

- Bên cạnh đó, Công ty xây dựng Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022 được thông qua theo Nghị quyết số 16/NQ-XNK-HĐQT ngày 26/01/2022 với giá trị khái toán là 6,68 tỷ đồng (*giá trị thuần chưa thuế và phí theo quy định*). Nguồn vốn đầu tư từ vốn chủ sở hữu.

Kết quả triển khai thực hiện sửa chữa lớn năm 2022: đã thực hiện 23/25 hạng mục, tổng giá trị trên 6,45 tỷ đồng, đạt 89,9% kế hoạch, đã giải ngân là 6,45 tỷ đồng, từ nguồn vốn chủ sở hữu.

## **6. Về các công tác khác**

6.1. Công tác quản lý và khai thác kho chứa, thiết bị: Việc khai thác sử dụng thiết bị, kho chứa còn hạn chế so với công suất thiết kế. Công ty có thực hiện chủ trương cho thuê tài sản, hợp tác kinh doanh tạo nguồn thu bù đắp định phí, tuy đã có triển khai nhưng chưa tìm được đối tác phù hợp.

6.2. Tình hình và kết quả xử lý, thanh lý tài sản: Công ty đã thực hiện Nghị quyết số 114/NQ-XNK-HĐQT ngày 09/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty, phê duyệt chủ trương cho thanh lý tài sản không cần dùng đủ điều kiện thanh lý, với nguyên giá là 11,22 tỷ đồng; giá trị còn lại đến ngày 31/10/2022 là 0,79 tỷ đồng. Kết quả là Công ty đã bán thanh lý tài sản với số tiền thu được là 1,03 tỷ đồng.

6.3. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai: Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý đến 31/12/2022 là 311.583 m<sup>2</sup> (23 thửa) gồm: (i) Đất thuê trả tiền 01 lần (50 năm) là 868 m<sup>2</sup> (04 thửa); (ii) Đất thuê trả tiền hàng năm là 299.032 m<sup>2</sup> (18 thửa); (iii) Đất nhận chuyển nhượng chưa thực hiện chuyển đổi sở hữu sang tên Công ty là 11.683 m<sup>2</sup>. Hiện nay, Công ty đã được UBND tỉnh Kiên Giang cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 22 thửa với diện tích 299.900 m<sup>2</sup>, từ tên Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang sang tên hiện tại là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

6.4. Tình hình thu hồi công nợ: Tính đến ngày 31/12/2022, tổng dư nợ khó đòi là 0,46 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng 100%). Tuy nhiên, vẫn chưa thu hồi được do một số đối tượng nợ không còn tài sản để thu hồi, một số khác không liên lạc được do không còn ở địa chỉ cũ. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo thu hồi nợ và Tổ thu hồi nợ tại từng đơn vị cùng phối hợp tìm giải pháp cải thiện tình hình thu hồi công nợ.

6.5. Công tác kiểm tra, giám sát: Thành lập các tổ công tác kiểm tra, giám sát: Tổ kiểm tra hàng hóa (Tổ chuyên quản); Tổ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động các đơn vị trực thuộc. Hàng quý, thực hiện từ 1-2 cuộc kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc. Qua kết quả kiểm tra, đánh giá chung các đơn vị thực hiện theo chủ trương



Công ty, tuy nhiên vẫn có một số hạn chế về nghiệp vụ của các đơn vị được nêu ra để khắc phục, chấn chỉnh.

6.6. Công tác chuyển đổi số: Thực hiện chủ trương chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ theo chỉ đạo của HĐQT và cấp ủy, Công ty bước đầu đã triển khai ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý như: Nâng cấp phần mềm kế toán theo mô hình quản lý tập trung đối với ngành hàng xăng dầu; Trang bị thiết bị chuyên dùng để phục vụ hội nghị trực tuyến với Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

##### **1. Những việc đã làm được**

Được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện kịp thời từ Đảng ủy, Hội đồng quản trị Tổng công ty, Công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo cấp cao đặc biệt là chức danh người đứng đầu - Chủ tịch HĐQT Công ty. Nên phát huy được năng lực lãnh đạo, tập trung sức mạnh tập thể tìm giải pháp, hướng đi mới cho Công ty và thực hiện được một số công việc trọng tâm như sau:

- Nghiêm túc thực hiện mô hình quản trị tập trung về tổ chức, kinh doanh, tài chính, đầu tư và tiến đến quản trị sản xuất. Nhờ vậy, Công ty đã quản lý chặt chẽ, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết và thực hiện tốt việc hợp tác kinh doanh, phát huy nguồn lực toàn Công ty và tăng hiệu quả đáng kể, giúp Công ty duy trì tốt hiệu quả kinh doanh nhiều năm liên tục.

- Theo sát kế hoạch SXKD từng phân kỳ để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra, từ đó có định hướng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, đặc biệt là mặt hàng gạo.

- Phát triển các sản phẩm mới như: gạo Japonica, cá cơm hạt macca,...

- Hoàn thiện công tác quy hoạch cấp ủy, cán bộ quản lý trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Bộ máy tổ chức cơ bản đã tinh gọn, sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán. Thực hiện cân đối, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư và sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị đạt 87,1% kế hoạch năm 2022; sắp xếp lại dây chuyền sản xuất để tối ưu hiệu quả hoạt động, tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư; thanh lý tài sản không cần dùng, thu hồi vốn, bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh.

- Tổ chức thành công các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và đã triển khai thực hiện đúng nghị quyết ĐHĐCĐ đã quyết nghị tại các kỳ đại hội.

##### **2. Những mặt chưa làm được**

- Ngành lương thực công tác nghiên cứu phát triển thị trường chưa đạt yêu cầu. Giá thành sản phẩm, chất lượng chưa cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

- Công tác xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối xăng dầu còn chậm.



- Cơ chế lương chưa thu hút được nguồn lao động có trình độ và tay nghề cao. Chưa tuyển dụng được nhân viên kinh doanh xuất khẩu theo yêu cầu đề ra.
- Việc thực hiện thanh lý tài sản không cần dùng còn chậm; chưa khai thác hết công năng kho xưởng.
- Tiến độ đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại một số đơn vị chưa đạt yêu cầu.
- Việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng CNTT 4.0 chưa theo kịp xu hướng hiện nay.

## **V. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

### **1. Mục tiêu chung**

Công ty kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững và ổn định, trong đó:

- Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh gọn.
- Đảm bảo nguồn vốn đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh 3 ngành hàng hiện tại là lúa gạo, cá cơm và xăng dầu.

### **2. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu**

#### **2.1. Mua vào**

- Lúa, gạo (quy gạo) : 250.000 tấn
- Cá cơm (quy tươi) : 1.120 tấn
- Xăng dầu : 20 triệu lít

#### **2.2. Bán ra**

- Lúa, gạo (quy gạo) : 250.000 tấn
- Cá cơm : 280 tấn
- Xăng dầu : 20 triệu lít

2.3. Doanh thu : 3.562 tỷ đồng

2.4. Lợi nhuận : 11 tỷ đồng (*không tính thu nhập bán tài sản*)

2.5. Nộp ngân sách : Theo quy định.

### **3. Kế hoạch tiền lương, tài chính, đầu tư năm 2023**

#### **3.1. Kế hoạch quỹ tiền lương**

- Kế hoạch tổng quỹ tiền lương năm 2023 là 24,382 tỷ đồng, bao gồm:
  - + Quỹ tiền lương của người quản lý (05 người): 1,994 tỷ đồng;
  - + Quỹ tiền lương của người lao động (261 người): 22,388 tỷ đồng.
- Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT và BKS: 0,516 tỷ đồng.

#### **3.2. Kế hoạch tài chính**



Công ty dự kiến huy động vốn năm 2023 là 2.070 tỷ đồng theo hình thức thế chấp tài sản, hàng tồn kho và công nợ phải thu theo đúng Nghị quyết của HĐQT.

### 3.3. Kế hoạch đầu tư và sửa chữa lớn

- Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2023 với tổng giá trị là 10,81 tỷ đồng (bao gồm 03 hạng mục theo kế hoạch đầu tư năm 2022 chuyển sang với trị giá là 6,5 tỷ đồng), trong đó: Vốn vay tối đa là 5,15 tỷ đồng, vốn Cty và quỹ đầu tư phát triển là 5,66 tỷ đồng.

- Công ty xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn năm 2023 với tổng giá trị khái toán là 9,4 tỷ đồng.

## 4. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

### 4.1. Về công tác quản lý điều hành kinh doanh

- Phát huy mô hình quản trị tập trung để phát huy nguồn lực toàn Công ty.

- Tiếp tục nắm bắt tốt thông tin thời vụ, thị trường; Tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát việc mua bán hàng hóa đảm bảo đúng Điều lệ, quy chế, quy định, quy trình hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật, phòng tránh rủi ro.

- Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng. Tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời cần thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Tăng cường hơn nữa việc khai thác thông tin và dự báo.

- Tổ chức đánh giá, chọn nhà cung ứng, khách hàng có năng lực, uy tín. Ngành xăng dầu giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối, nắm bắt thông tin về mức chiết khấu, chính sách bán hàng từng thời điểm của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác mua bán, tăng vòng quay hàng tồn kho để đạt kế hoạch sản lượng, thu hồi được định phí và có lãi.

- Thực hiện tốt công tác bí mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 4.2. Về công tác quản lý điều hành sản xuất

- Xây dựng kế hoạch mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên: (i) Giá nguyên liệu đầu vào thấp; (ii) Tiết kiệm chi phí trong sản xuất; (iii) Tăng tỷ lệ thu hồi; (iv) Chất lượng đầu vào đảm bảo.

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, quản lý chất lượng: hợp lý hóa quy trình sản xuất, lưu kho, bảo quản hàng hoá; Ngành lương thực ưu tiên mua lúa, gạo xô để khai thác công suất máy móc thiết bị; Thực hiện kiểm soát và tiết giảm chi phí... để hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh.

- Trong sản xuất phải đảm bảo theo đúng quy trình, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật, đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa tồn kho.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn ATVSTP, nhất là các sản phẩm tiêu dùng trực tiếp như mặt hàng cá cơm ăn liền.



#### 4.3. Về công tác huy động vốn, quản lý tài chính kế toán

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nước và quốc tế, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Tăng cường công tác theo dõi tỷ giá hối đoái, tập trung vào các nước xuất nhập khẩu gạo, cân đối đồng tiền vay có hiệu quả.

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc, kiểm soát chi phí nhằm sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, không để rủi ro xảy ra và phát sinh công nợ khó đòi.

#### 4.4. Về công tác tổ chức, nhân sự

- Tiếp tục thực hiện công tác kiện toàn nhân sự quản lý và sắp xếp lại tổ chức bộ máy để bố trí, sử dụng lao động phù hợp với mô hình, theo hướng tinh gọn, nâng cao phương thức quản trị để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.

- Tiếp tục đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân sự đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho Công ty. Chú trọng nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu, có khả năng phát triển thị trường xuất khẩu, bán hàng và phát triển hệ thống cung ứng mua hàng.

- Hoàn thiện các quy chế quản lý, hệ thống quy định, quy trình áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

- Tăng cường công tác đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong SXKD.

#### 4.5. Về công tác đầu tư

- Tiếp tục triển khai đúng với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt. Thực hiện đầu tư đúng trình tự và quy định của Pháp luật về đầu tư.

- Rà soát, nâng cấp MMTB, ưu tiên các hạng mục, dự án cấp thiết; điều chỉnh hợp lý hóa hệ thống máy móc thiết bị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng chế biến để đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay.

- Tìm kiếm đối tác hợp tác, khai thác, nhận ký gửi hàng hóa lúa gạo, công nghệ phẩm để tận dụng tối đa hiệu suất sử dụng kho, thiết bị của Công ty.

- Rà soát, thanh lý tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kịp thời, hiệu quả.

#### 4.6. Công tác thu hồi công nợ

Tập trung quyết liệt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là đề ra giải pháp đảm bảo thu hồi được nợ khó đòi nhằm lành mạnh tài chính.

#### 4.7. Về công tác chuyển đổi số

Tập trung nghiên cứu và tổ chức triển khai chủ trương của Tổng công ty về ứng dụng chuyển đổi số vào công tác quản lý, điều hành như sau:

- Ứng dụng phần mềm iOffice quản lý văn bản điện tử;

- Ứng dụng phòng họp không giấy tờ;



- Ứng dụng phần mềm vào quản lý hoạt động SXKD (quản lý sản xuất, quản lý bán hàng trong và ngoài nước) trong từng ngành nghề.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

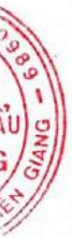
Trân trọng kính trình ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, P.KHKD.



*Dương Thị Thanh Nguyệt*







## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 30 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2023

### TỜ TRÌNH

#### V/v thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam ký ngày 28/02/2023.

Báo cáo tài chính được lập bao gồm báo cáo tài chính riêng đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website [www.kigimex.com.vn](http://www.kigimex.com.vn).

1. Báo cáo của kiểm toán độc lập;
2. Bảng cân đối kế toán;
3. Báo cáo kết quả kinh doanh;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Báo cáo thiết minh tài chính.

Toàn văn báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và được công bố thông tin, trong đó ý kiến kết luận của Kiểm toán viên được trình bày nội dung như sau:

*" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.*





Vấn đề khác: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 16/02/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.”

(Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn





Số: 84/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 28/02/2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 16/02/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Vũ Xuân Hùng  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 45



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 10/5/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 20 ngày 10/5/2018 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)
	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)
	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên

#### BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 7.1, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Dương Thị Thanh Nguyệt**

**Tổng Giám đốc**

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Số: 84/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 28/02/2023, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 16/02/2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature.

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQCN-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

---

**Vũ Xuân Hùng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

010  
TY  
AN  
KH  
AN  
17  
17



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130)	<b>100</b>		<b>805.018.068.766</b>	<b>707.273.162.944</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>473.315.910.679</b>	<b>26.300.477.326</b>
1. Tiền	111		419.315.910.679	26.300.477.326
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>94.843.280.018</b>	<b>358.183.126.196</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	85.222.697.843	292.933.692.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.799.819.820	50.422.691.643
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	280.213.039	15.286.192.425
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(459.450.684)	(459.450.684)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>194.606.176.702</b>	<b>288.135.187.139</b>
1. Hàng tồn kho	141		214.589.458.375	327.769.454.052
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.983.281.673)	(39.634.266.913)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>42.252.701.367</b>	<b>34.654.372.283</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.203.312.470	1.313.305.230
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.049.268.897	33.340.947.053
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	120.000	120.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>203.215.897.535</b>	<b>209.639.457.296</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>48.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	48.000.000	48.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144.852.345.909</b>	<b>153.073.676.809</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	144.852.345.909	153.073.676.809
- Nguyên giá	222		456.069.754.461	459.616.793.183
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(311.217.408.552)	(306.543.116.374)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.356.388.307</b>	<b>1.356.388.307</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.356.388.307	1.356.388.307
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>56.959.163.319</b>	<b>55.161.392.180</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	56.959.163.319	55.161.392.180
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.008.233.966.301</b>	<b>916.912.620.240</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>744.213.995.496</b>	<b>646.128.719.474</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>741.448.153.555</b>	<b>646.128.719.474</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	48.817.094.849	8.946.143.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	45.269.244.263	82.364.848.172
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.045.710.132	743.701.625
4. Phải trả người lao động	314		5.465.578.421	9.600.459.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.091.373.041	2.385.930.481
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	8.642.182.837	8.544.164.692
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	616.688.281.847	530.630.349.740
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		636.819.378	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.791.868.787	2.913.121.542
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.765.841.941</b>	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	2.765.841.941	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>264.019.970.805</b>	<b>270.783.900.766</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>264.019.970.805</b>	<b>270.783.900.766</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>254.300.000.000</i>	<i>254.300.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.039.313.829	2.656.581.947
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.680.656.976	13.827.318.819
<i>- LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>5.680.656.976</i>	<i>13.827.318.819</i>
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.008.233.966.301</b>	<b>916.912.620.240</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc




Dương Thị Thanh Nguyệt



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.258.633.894.568	4.629.239.043.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	752.670.750	3.803.400.569
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10	6.1	<b>4.257.881.223.818</b>	<b>4.625.435.642.512</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.794.190.842.021	4.310.955.371.377
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		<b>463.690.381.797</b>	<b>314.480.271.135</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	34.972.988.186	30.768.379.242
7. Chi phí tài chính	22	6.4	67.306.601.845	32.129.046.210
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.985.703.290	21.289.570.879
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	376.150.329.247	267.417.689.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	34.437.662.847	28.675.015.442
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		<b>20.768.776.044</b>	<b>17.026.899.415</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.986.622.823	4.826.163.622
12. Chi phí khác	32	6.6	11.799.062.266	4.047.274.197
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.6	<b>(9.812.439.443)</b>	<b>778.889.425</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	50		<b>10.956.336.601</b>	<b>17.805.788.840</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.275.679.625	3.978.470.021
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		<b>5.680.656.976</b>	<b>13.827.318.819</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	223	492

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.956.336.601	17.805.788.840
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		16.677.926.066	25.188.450.959
- Các khoản dự phòng	03		(19.014.165.862)	(10.337.017.898)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.582.873.934	1.921.039.576
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(671.148.044)	(29.473.751)
- Chi phí lãi vay	06		27.985.703.290	21.289.570.879
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.517.525.985	55.838.358.605
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		244.501.495.399	(306.503.323.697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		113.179.995.677	199.962.403.882
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.955.201.615	(254.409.605.695)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.687.778.379)	(356.886.402)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27.550.281.041)	(21.174.837.798)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.974.182.805)	(4.675.673.538)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.590.243.961	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.349.499.692)	(782.246.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		376.182.720.720	(332.101.810.643)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.297.438.664)	(2.779.367.888)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.046.110.216	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		270.832.979	29.473.751
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(7.980.495.469)	(2.749.894.137)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.072.209.646.553	3.503.829.554.439
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.983.216.110.005)	(3.233.563.559.079)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.859.397.600)	(21.106.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		87.134.138.948	249.159.095.360
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	50		455.336.364.199	(85.692.609.420)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		26.300.477.326	112.004.272.579
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(8.320.930.846)	(11.185.833)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	473.315.910.679	26.300.477.326

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 10/5/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 20 ngày 10/5/2018 là 254.300.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ ba trăm triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 270 người (tại ngày 31/12/2021 là 280 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sừng sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu./

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Áp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Áp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Áp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh Doanh Xăng Dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán*****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính***

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)*****Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

***Chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng

***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các khoản trả trước để thuê đất, trong đó bao gồm cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình và các chi phí khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của Hợp đồng thuê đất tương ứng với thời gian từ 40-50 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung cấp.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhờn) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	308.947.700	548.689.500
Tiền gửi ngân hàng	419.006.962.979	25.751.787.826
Các khoản tương đương tiền	54.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	54.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>473.315.910.679</b>	<b>26.300.477.326</b>

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh. Lãi suất áp dụng là 6%/năm.

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Louis Dreyfus Asia Pte Ltd	-	73.124.714.354
Akila Trading (PTY) Ltd	2.068.273.500	3.707.585.038
Sikakroabea Co.Ltd	1.180.495.134	184.707.768.045
Công ty TNHH Chế biến lương thực Thanh Nhân	12.017.385	17.820.000.000
Perum BULOG	54.952.634.000	-
At Korea Agro-Fisheries & Food Trade Corporation	12.706.300.713	-
Phải thu các đối tượng khác	14.302.977.111	13.573.625.375
<b>Tổng</b>	<b>85.222.697.843</b>	<b>292.933.692.812</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Đại Tài	-	16.020.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	-	15.552.707.984
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương Mại Ngọc Tài	-	6.520.000.000
Agri Corp Limited	2.566.258.375	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đạt Nghĩa	2.040.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Lương thực Vinh Phát	3.990.000.000	-
Phải thu các đối tượng khác	1.203.561.445	12.329.983.659
<b>Tổng</b>	<b>9.799.819.820</b>	<b>50.422.691.643</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>280.213.039</b>	<b>(126.350.025)</b>	<b>15.286.192.425</b>	<b>(126.350.025)</b>
Tạm ứng tiền mua gạo theo chỉ tiêu Công ty giao	-	-	5.880.900.000	-
Phải thu Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần do ứng trước tiền cổ tức năm 2021	-	-	9.278.942.400	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	153.863.014	-	-	-
Phải thu khác	126.350.025	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
<b>Dài hạn</b>	<b>48.000.000</b>	<b>-</b>	<b>48.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	48.000.000	-	48.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>328.213.039</b>	<b>(126.350.025)</b>	<b>15.334.192.425</b>	<b>(126.350.025)</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</i>	-	-	9.278.942.400	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.5 Nợ xấu**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>199.757.000</b>	-	<b>(199.757.000)</b>	<b>199.757.000</b>	-	<b>(199.757.000)</b>
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	129.757.000	-	(129.757.000)	129.757.000	-	(129.757.000)
Công ty TNHH Tâm Hùng	70.000.000	-	(70.000.000)	70.000.000	-	(70.000.000)
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>133.343.659</b>	-	<b>(133.343.659)</b>	<b>133.343.659</b>	-	<b>(133.343.659)</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thiên Nam Dương	17.604.000	-	(17.604.000)	17.604.000	-	(17.604.000)
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	65.739.659	-	(65.739.659)	65.739.659	-	(65.739.659)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
<b>Phải thu khác</b>	<b>126.350.025</b>	-	<b>(126.350.025)</b>	<b>126.350.025</b>	-	<b>(126.350.025)</b>
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	51.385.725	-	(51.385.725)	51.385.725	-	(51.385.725)
DNTN Mê Linh, An Giang	40.808.300	-	(40.808.300)	40.808.300	-	(40.808.300)
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	34.156.000	-	(34.156.000)	34.156.000	-	(34.156.000)
<b>Tổng</b>	<b>459.450.684</b>	-	<b>(459.450.684)</b>	<b>459.450.684</b>	-	<b>(459.450.684)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	6.920.545.455	-
Nguyên liệu, vật liệu (i)	120.354.766.819	(10.602.690.570)	170.358.284.842	(27.381.817.509)
Công cụ, dụng cụ	572.562.029	-	1.736.919.655	-
Thành phẩm (i)	26.621.281.074	(3.683.433.570)	76.952.476.397	-9.746.804.342
Hàng hóa (i)	67.040.848.453	(5.697.157.533)	71.801.227.703	-2.505.645.062
<b>Tổng</b>	<b>214.589.458.375</b>	<b>(19.983.281.673)</b>	<b>327.769.454.052</b>	<b>(39.634.266.913)</b>

(i) Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (Thuyết minh số 5.15) tại ngày 31/12/2022 là 213.327.407.021 VND (tại ngày 01/01/2022: 325.502.699.004 VND).

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.203.312.470</b>	<b>1.313.305.230</b>
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	462.601.732	298.667.411
Chi phí sửa chữa tài sản	454.330.105	360.455.838
Chi phí bảo hiểm	131.833.580	129.535.708
Chi phí bốc xếp, đồ đạc, gia công hàng chờ xuất	135.713.715	385.565.661
Các khoản khác	18.833.338	139.080.612
<b>Dài hạn</b>	<b>56.959.163.319</b>	<b>55.161.392.180</b>
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	665.191.475	527.957.908
Chi phí sửa chữa tài sản	7.895.529.142	5.316.967.110
Chi phí bảo hiểm	161.904.328	138.878.483
Tiền thuê đất trả trước (i)	47.926.093.583	49.177.588.679
Các chi phí khác	310.444.791	-
<b>Tổng</b>	<b>58.162.475.789</b>	<b>56.474.697.410</b>

(i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoản thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2022, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại cổ phần là 46.292.542.796 VND (tại ngày 31/12/2021: 47.505.826.184 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	224.460.948.866	157.762.033.580	74.993.674.001	884.344.630	1.515.792.106	459.616.793.183
Tăng trong năm	3.284.796.812	5.153.314.580	859.327.272	-	-	9.297.438.664
Mua trong năm	3.284.796.812	5.153.314.580	859.327.272	-	-	9.297.438.664
Giảm trong năm	761.740.000	10.037.219.381	2.045.518.005	-	-	12.844.477.386
Thanh lý, nhượng bán	761.740.000	10.037.219.381	2.045.518.005	-	-	12.844.477.386
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>226.984.005.678</b>	<b>152.878.128.779</b>	<b>73.807.483.268</b>	<b>884.344.630</b>	<b>1.515.792.106</b>	<b>456.069.754.461</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	142.577.756.168	101.967.431.721	59.773.540.309	757.248.313	1.467.139.863	306.543.116.374
Tăng trong năm	5.771.473.589	7.215.565.656	3.679.796.110	42.060.600	10.215.444	16.719.111.399
Khấu hao trong năm	5.771.473.589	7.215.565.656	3.679.796.110	42.060.600	10.215.444	16.719.111.399
Giảm trong năm	761.740.000	9.237.561.216	2.045.518.005	-	-	12.044.819.221
Thanh lý, nhượng bán	761.740.000	9.237.561.216	2.045.518.005	-	-	12.044.819.221
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>147.587.489.757</b>	<b>99.945.436.161</b>	<b>61.407.818.414</b>	<b>799.308.913</b>	<b>1.477.355.307</b>	<b>311.217.408.552</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2022	81.883.192.698	55.794.601.859	15.220.133.692	127.096.317	48.652.243	153.073.676.809
Tại ngày 31/12/2022	79.396.515.921	52.932.692.618	12.399.664.854	85.035.717	38.436.799	144.852.345.909

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 73.862.109.080 VND (tại ngày 31/12/2021: 70.058.046.356 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 105.319.779.975 VND (tại ngày 31/12/2021: 106.988.426.265 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2022 là 1.731.496.608 VND (tại ngày 31/12/2021: 1.210.484.790 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
<b>Tổng</b>	<b>1.356.388.307</b>	<b>1.356.388.307</b>

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Đến ngày 31/12/2022, Công ty vẫn chưa có kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình này.

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022 (VND)</b>		<b>01/01/2022 (VND)</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thảo Minh Châu	94.003.718	94.003.718	151.559.052	151.559.052
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Hiếu Nhân	-	-	3.767.010.375	3.767.010.375
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	45.150.000.000	45.150.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.573.091.131	3.573.091.131	5.027.574.158	5.027.574.158
<b>Tổng</b>	<b>48.817.094.849</b>	<b>48.817.094.849</b>	<b>8.946.143.585</b>	<b>8.946.143.585</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Syarikat Pelangi Tinggi	26.138.522.867	30.939.382.500
Perissos Vitoria Unipessoal.LDA	-	25.794.275.742
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Phước	-	16.100.000.000
Timor Food Unipessoal LDA	16.234.033.000	-
Các đối tượng khác	2.896.688.396	9.531.189.930
<b>Tổng</b>	<b>45.269.244.263</b>	<b>82.364.848.172</b>

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

379.804.839

-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
<b>Phải nộp</b>	<b>743.701.625</b>	<b>6.992.258.163</b>	<b>3.690.249.656</b>	<b>4.045.710.132</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.058.315.052	1.058.315.052	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	728.369.842	5.275.679.625	1.974.182.805	4.029.866.662
Thuế thu nhập cá nhân	15.331.783	268.032.507	267.520.820	15.843.470
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	377.230.979	377.230.979	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>120.000</b>	-	-	<b>120.000</b>
Thuế giá trị gia tăng	120.000	-	-	120.000

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trích trước chi phí lãi vay	750.739.548	315.317.299
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	7.484.634.005	1.620.562.280
Trích trước chi phí vận chuyển	-	56.841.600
Trích trước chi phí sửa chữa	395.488.070	-
Trích trước chi phí dịch vụ	281.000.000	-
Các khoản khác	179.511.418	393.209.302
<b>Tổng</b>	<b>9.091.373.041</b>	<b>2.385.930.481</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	25.904.516	87.886.371
Phải trả lãi tiền lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	7.902.592.072	7.902.592.072
Phải trả, phải nộp khác	713.686.249	553.686.249
<b>Tổng</b>	<b>8.642.182.837</b>	<b>8.544.164.692</b>

*Trong đó:***Phải trả các bên liên quan****7.902.592.072****7.902.592.072***(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2022 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>616.688.281.847</b>	<b>616.688.281.847</b>	<b>3.069.443.804.612</b>	<b>2.983.385.872.505</b>	<b>530.630.349.740</b>	<b>530.630.349.740</b>
<i>Vay ngắn hạn trong năm</i>	<i>614.140.281.847</i>	<i>614.140.281.847</i>	<i>3.066.195.804.612</i>	<i>2.980.779.605.505</i>	<i>528.724.082.740</i>	<i>528.724.082.740</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	135.565.242.163	135.565.242.163	727.701.117.137	696.422.722.324	104.286.847.350	104.286.847.350
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	225.086.406.000	225.086.406.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc - vay VND (ii)	297.519.652.047	297.519.652.047	1.093.003.861.438	1.049.312.064.781	253.827.855.390	253.827.855.390
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc - vay USD (ii)	44.675.831.250	44.675.831.250	44.845.593.750	169.762.500	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang	-	-	107.630.236.000	165.778.276.000	58.148.040.000	58.148.040.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	27.677.625.000	27.677.625.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iii)	136.379.556.387	136.379.556.387	432.694.163.387	349.007.087.000	52.692.480.000	52.692.480.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	347.285.360.900	387.889.160.900	40.603.800.000	40.603.800.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	60.271.441.000	79.436.501.000	19.165.060.000	19.165.060.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.548.000.000</b>	<b>2.548.000.000</b>	<b>3.248.000.000</b>	<b>2.606.267.000</b>	<b>1.906.267.000</b>	<b>1.906.267.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (iv)	2.548.000.000	2.548.000.000	3.248.000.000	2.606.267.000	1.906.267.000	1.906.267.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>2.765.841.941</b>	<b>2.765.841.941</b>	<b>6.013.841.941</b>	<b>3.248.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (iv)	2.765.841.941	2.765.841.941	6.013.841.941	3.248.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>619.454.123.788</b>	<b>619.454.123.788</b>	<b>3.075.457.646.553</b>	<b>2.986.633.872.505</b>	<b>530.630.349.740</b>	<b>530.630.349.740</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0028/22/HĐK-KIGIMEX ngày 31/5/2022. Giới hạn cấp tín dụng tối đa cho Công ty là 150.000.000.000 VND, các Hợp đồng tín dụng cụ thể đối với các ngành hàng của Công ty như sau:

*Ngành hàng chế biến kinh doanh lúa gạo (luong thực): Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0028/22/0361/RG/GAO ngày 31/5/2022*

- Hạn mức cho vay: 150.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 30/5/2023;
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Gạo các loại của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay: tối đa 06 (sáu) tháng;
- Lãi suất: được xác định thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trong Giấy nhận nợ hoặc được ấn định cố định cụ thể trong Giấy nhận nợ;

*Ngành hàng kinh doanh xăng dầu: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0028/22/0341/RG/XD ngày 31/5/2022*

- Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 30/5/2023;
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay: tối đa 03 (ba) tháng;
- Lãi suất: được xác định thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trong Giấy nhận nợ hoặc được ấn định cố định cụ thể trong Giấy nhận nợ;

Các khoản tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc, dây chuyền sản xuất, tài sản gắn liền với đất tại Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay, quyền tài sản phát sinh từ tất cả các Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và bên mua/bên thứ ba hình thành từ nguồn vốn vay do Ngân hàng tài trợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2022/679501/HĐTD ngày 07/6/2022 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng là 400.000.000.000 VND.
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 10/5/2018.
- Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/5/2023;
- Lãi suất: được xác định theo từng Hợp đồng cụ thể được phát hành;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất, xe ô tô, tàu đánh cá/tàu chõr dầu, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Tại ngày 31/12/2022, số dư nợ gốc Công ty còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc bao gồm:

- Các khoản vay ngắn hạn bằng VND: 297.519.652.047 VND;
- Các khoản vay ngắn hạn bằng USD: 1.886.250 USD.

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số LAV220089427/1401 ngày 14/10/2022 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 13/10/2023;
- Thời hạn vay của từng khoản vay không quá 06 (sáu) tháng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: được xác định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: số tiền ký quỹ với giá trị bằng tối thiểu 5% trị giá bảo lãnh, LC; Công trình xây dựng trên đất, hệ thống máy móc thiết bị tại Kho chứa lương thực Sơn Thuận trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn như sau:

*Hợp đồng số 01/2022/679501/HĐTD ngày 29/4/2022:*

- Số tiền vay: 4.150.567.592 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm; áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ.
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay;

*Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2022/67950/HĐTD ngày 18/11/2022:*

- Số tiền vay: 3.434.555.250 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>1.402.067.630</b>	<b>25.090.286.344</b>	<b>280.792.353.974</b>
Lãi trong năm	-	-	13.827.318.819	13.827.318.819
Chia cổ tức	-	-	(21.106.900.000)	(21.106.900.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.254.514.317	(1.254.514.317)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.509.028.643)	(2.509.028.643)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(119.843.384)	(119.843.384)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>2.656.581.947</b>	<b>13.827.318.819</b>	<b>270.783.900.766</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>2.656.581.947</b>	<b>13.827.318.819</b>	<b>270.783.900.766</b>
Lãi trong năm	-	-	5.680.656.976	5.680.656.976
Chia cổ tức (i)	-	-	(11.138.340.000)	(11.138.340.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.382.731.882	(1.382.731.882)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(1.067.973.749)	(1.067.973.749)
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(138.273.188)	(138.273.188)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>4.039.313.829</b>	<b>5.680.656.976</b>	<b>264.019.970.805</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 57/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022, Công thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Chia cổ tức với tỷ lệ 4,38% trên vốn điều lệ tương đương 438 VND/cổ phần, và 11.138.340.000 VND;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.382.731.882 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng với tỷ lệ là 4% trên lợi nhuận sau thuế, tương đương với 553.092.753 VND; Quỹ phúc lợi với tỷ lệ là 3,72% trên lợi nhuận sau thuế, tương đương với 514.880.996 VND; Quỹ thưởng người quản lý với tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế, tương đương với 138.273.188 VND;
- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 0,73% lợi nhuận sau thuế, tương đương 100.000.000 VND.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	21.184.800	83,31%	211.848.000.000	21.184.800	83,31%	211.848.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	2.643.000	10,39%	26.430.000.000	100.000	0,39%	1.000.000.000
Ông Phan Hùng Minh	-	0,00%	-	2.543.000	10,00%	25.430.000.000
Các cổ đông khác	1.602.200	6,30%	16.022.000.000	1.602.200	6,30%	16.022.000.000
<b>Tổng</b>	<b>25.430.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>25.430.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>254.300.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>11.138.340.000</b>	<b>21.106.900.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	4.039.313.829	2.656.581.947

**5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

**a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê địa điểm kinh doanh theo Hợp đồng thuê hoạt động số 25/HĐTCH/2018 ngày 31/5/2018 để mở cửa hàng kinh doanh xăng dầu (số 06). Theo hợp đồng này, Công ty đã trả trước toàn bộ tiền thuê cho đến ngày đáo hạn Hợp đồng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m<sup>2</sup>;

- Thuê đất trả tiền hàng năm: để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m<sup>2</sup>.

**b. Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Đô la Mỹ (USD)	16.956.406,43	541.862,78
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	167,64	205,74

**c. Nợ khó đòi đã xử lý**

<b>Đối tượng nợ phải thu khó đòi đã xử lý</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>	<b>Năm xử lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
DNTN Trường Duy	45.797.000	45.797.000	Năm 2010
Lê Kim Tới	61.597.359	61.597.359	Năm 2010
Trần Chí Linh	27.718.250	27.718.250	Năm 2010
Tiêu Thị Mưa	38.000.000	38.000.000	Năm 2011
Lữ Thị Bông	25.000.000	25.000.000	Năm 2013
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đỉnh - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoan	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>6.226.462.720</b>	<b>6.226.462.720</b>	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	4.255.631.181.099	4.627.588.665.168
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.467.734.971	1.401.448.591
Doanh thu khác	1.534.978.498	248.929.322
<b>Tổng</b>	<b>4.258.633.894.568</b>	<b>4.629.239.043.081</b>

*Trong đó:**Doanh thu với các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

59.529.491.359	3.973.860.720
----------------	---------------

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giảm giá hàng bán	752.670.750	3.803.400.569
<b>Tổng</b>	<b>752.670.750</b>	<b>3.803.400.569</b>

**Doanh thu thuần**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	4.254.878.510.349	4.623.785.264.599
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.467.734.971	1.401.448.591
Doanh thu khác	1.534.978.498	248.929.322
<b>Tổng</b>	<b>4.257.881.223.818</b>	<b>4.625.435.642.512</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	3.811.223.531.433	4.315.473.449.397
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.618.295.828	2.398.239.994
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.650.985.240)	(6.916.318.014)
<b>Tổng</b>	<b>3.794.190.842.021</b>	<b>4.310.955.371.377</b>

*Trong đó:**Mua hàng từ các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

63.661.225.551	16.295.273.000
----------------	----------------

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	424.695.993	29.473.751
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.626.562.945	30.738.905.491
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.921.729.248	-
<b>Tổng</b>	<b>34.972.988.186</b>	<b>30.768.379.242</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	27.985.703.290	21.289.570.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.282.603.177	8.852.122.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.582.873.934	1.921.039.576
Các khoản chi phí tài chính khác	455.421.444	66.313.377
<b>Tổng</b>	<b>67.306.601.845</b>	<b>32.129.046.210</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>376.150.329.247</b>	<b>267.417.689.310</b>
Chi phí nhân công	1.428.580.578	1.416.461.927
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	138.540.671.304	147.438.788.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.663.390	939.069.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.547.415.072	114.344.999.050
Chi phí bằng tiền khác	3.827.998.903	3.278.370.098
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>34.437.662.847</b>	<b>28.675.015.442</b>
Chi phí nhân công	13.427.502.367	14.327.474.720
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	1.024.020.091	1.534.141.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.188.698.004	1.521.197.653
Thuế phí và lệ phí	71.884.649	59.675.858
Chi phí dự phòng	636.819.378	(3.420.699.884)
- Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	-	(149.520.000)
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	636.819.378	(3.271.179.884)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.411.368.839	4.337.826.238
Chi phí bằng tiền khác	14.677.369.519	10.315.399.811
<b>Tổng</b>	<b>410.587.992.094</b>	<b>296.092.704.752</b>

Trong đó:

**Chi phí bán hàng với các bên liên quan**  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

10.799.689

23.731.360



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	246.452.051	-
Thu nhập từ giải phóng tàu nhanh	-	344.700.000
Thu nhập do miễn giảm khoản lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	-	1.868.209.726
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi, công cụ dụng cụ	395.584.999	249.659.454
Lãi bán hàng phải thu doanh nghiệp ngoài	-	2.290.736.452
Các khoản phạt hợp đồng kinh tế nhận được	953.240.750	-
Các khoản khác	391.345.023	72.857.990
<b>Tổng</b>	<b>1.986.622.823</b>	<b>4.826.163.622</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lãi mua hàng phải trả doanh nghiệp ngoài	-	2.688.447.567
Các khoản phạt và hủy hợp đồng kinh tế	11.161.884.110	1.335.714.141
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	80.617.436	-
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	513.665.737	-
Chi phí khác	42.894.983	23.112.489
<b>Tổng</b>	<b>11.799.062.266</b>	<b>4.047.274.197</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(9.812.439.443)</b>	<b>778.889.425</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.956.336.601	17.805.788.840
Các khoản điều chỉnh tăng	15.422.561.154	2.865.179.097
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm	80.617.436	-
Chi phí không được trừ	250.772.180	459.417.811
Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	6.338.035.472	2.217.462.877
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.753.136.066	188.298.409
Các khoản điều chỉnh giảm	(499.632)	(778.617.833)
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(499.632)	(778.617.833)
Thu nhập chịu thuế	26.378.398.123	19.892.350.104
Lỗi được kết chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>26.378.398.123</b>	<b>19.892.350.104</b>
<b>Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.275.679.625</b>	<b>3.978.470.021</b>
<b>Tổng</b>	<b>5.275.679.625</b>	<b>3.978.470.021</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 (i) VND	Năm 2021 (ii) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>5.680.656.976</b>	<b>13.827.318.819</b>
Các khoản điều chỉnh	-	(1.306.246.937)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(1.206.246.937)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)</b>	<b>5.680.656.976</b>	<b>12.521.071.882</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)</b>	<b>223</b>	<b>492</b>

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2021, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 57/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2022. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã trình bày trên Báo cáo năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>13.827.318.819</b>	<b>13.827.318.819</b>	-
Các khoản điều chỉnh	-	(1.306.246.937)	(1.306.246.937)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(1.206.246.937)	(1.206.246.937)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>13.827.318.819</b>	<b>12.521.071.882</b>	(1.306.246.937)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>544</b>	<b>492</b>	<b>(51)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.345.870.044.352	1.486.629.800.638
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	2.514.653.551.702	2.975.087.482.521
Chi phí nhân công	29.851.805.961	27.643.609.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	17.929.421.162	25.188.450.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.015.231.675	127.690.261.175
Chi phí khác bằng tiền	19.141.749.802	14.496.638.387
Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	636.819.378	(3.420.699.884)
<b>Tổng</b>	<b>4.174.098.624.032</b>	<b>4.653.315.542.993</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 12/01/2023, Công ty công bố thông tin trong Văn bản số 75/CBTT-XNK về Quyết định số 1051/QĐ-XPHC ngày 28/11/2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang, trong đó đề cập đến việc Công ty bị xử phạt hành chính về việc không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định và gian lận trong kê khai đăng ký hệ thống phân phối. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên cũng đề cập đến việc Công ty phải nộp số tiền phạt vào Ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 80.000.000 VND. Đồng thời, Công ty bị tước Quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu 01 (một) tháng. Tới thời điểm báo cáo, Công ty đã được khôi phục quyền sử dụng và quyền kinh doanh xăng dầu theo Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu số 502-TNPP/QĐ-BCT do Bộ Công thương cấp ngày 28/01/2022.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2. Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh Công ty mẹ
5	Các nhân sự chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các thành viên lân cận trong gia đình họ	

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác****Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
	Phó Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 15/3/2022)	84.000.000	84.000.000
	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	-	-
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	56.000.000
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty	48.000.000	48.000.000

**Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	32.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	32.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022) Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022)	489.600.000	507.200.000
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/3/2022) Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 15/3/2022)	61.200.000	55.400.000
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	353.600.000	367.700.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	489.600.000	511.400.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	353.600.000	371.900.000
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	-	23.000.000

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Mua hàng</b>		<b>63.661.225.551</b>	<b>16.295.273.000</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Mua hàng hóa	-	16.260.974.000
	Mua hàng ủy thác	39.878.845.001	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Mua tài sản cố định	624.200.000	-
	Chi phí sửa chữa tài sản	17.500.000	-
	Phí gia công	25.000.000	-
Công ty Lương thực Trà Vinh	Mua hàng hóa	990.000.000	34.299.000
Công ty Lương thực Long An	Mua hàng hóa	22.125.680.550	-
<b>Mua dịch vụ</b>		<b>10.799.689</b>	<b>23.731.360</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	10.799.689	23.731.360
<b>Bán hàng</b>		<b>59.529.491.359</b>	<b>3.973.860.720</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Bán hàng ủy thác	1.151.931.900	3.973.860.720
	Bán hàng hóa	57.238.515.000	-
	Phí ủy thác xuất khẩu	4.755.859	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Bán hàng hóa	1.116.000.000	-
Công ty Lương thực Long An	Bán hàng hóa	18.288.600	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
<b><u>Phải thu khác ngắn hạn</u></b>		-	<b>9.278.942.400</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Ứng trước tiền cổ tức năm 2021	-	9.278.942.400
<b><u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u></b>		<b>379.804.839</b>	-
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Nhận ứng trước tiền bán hàng hóa	379.804.839	-
<b><u>Phải trả ngắn hạn khác</u></b>		<b>7.902.592.072</b>	<b>7.902.592.072</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Phải trả lãi tiền lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa	7.902.592.072	7.902.592.072



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3. Báo cáo bộ phận**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

*Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Kinh doanh lương thực</b>	<b>Kinh doanh xăng dầu</b>	<b>Kinh doanh cá cơm</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.763.861.121.793	28.630.523.681	465.389.578.344	4.257.881.223.818
<b>Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>446.801.827.009</b>	<b>11.449.445.700</b>	<b>5.439.109.088</b>	<b>463.690.381.797</b>
Chi phí thuần của bộ phận	427.747.554.597	11.864.569.246	3.309.481.910	442.921.605.753
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</b>	<b>19.054.272.412</b>	<b>(415.123.546)</b>	<b>2.129.627.178</b>	<b>20.768.776.044</b>

*Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

	<b>Kinh doanh lương thực</b>	<b>Kinh doanh xăng dầu</b>	<b>Kinh doanh cá cơm</b>	<b>Tổng</b>
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	5.658.641.852	-	3.638.796.812	9.297.438.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.890.956.038	1.076.393.842	710.576.186	16.677.926.066
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.867.240.027	432.203.219	346.198.788	6.645.642.034



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

*Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
<b>Tài sản bộ phận</b>				
Tài sản cố định	127.325.444.970	6.347.251.350	11.179.649.589	144.852.345.909
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	81.568.506.752	13.404.010.911	50.000.000	95.022.517.663
Hàng tồn kho	176.099.865.327	10.636.404.370	7.869.907.005	194.606.176.702
Tài sản không thể phân bổ				572.396.537.720
<b>Tổng</b>	<b>384.993.817.049</b>	<b>30.387.666.631</b>	<b>20.455.944.901</b>	<b>1.008.233.966.301</b>
<b>Nợ bộ phận</b>				
Các khoản phải trả	102.181.758.535	965.046.998	30.906.620	103.177.712.153
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				619.454.123.788
Nợ phải trả không phân bổ				21.582.159.555
<b>Tổng</b>	<b>102.181.758.535</b>	<b>965.046.998</b>	<b>30.906.620</b>	<b>744.213.995.496</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	4.301.796.035.854	293.037.421.508	30.602.185.150	4.625.435.642.512
<i>Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</i>	<i>292.094.773.797</i>	<i>17.877.901.298</i>	<i>4.507.596.040</i>	<i>314.480.271.135</i>
Chi phí thuần của bộ phận	280.317.815.985	13.831.857.479	3.303.698.256	297.453.371.720
<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</i>	<i>11.776.957.812</i>	<i>4.046.043.819</i>	<i>1.203.897.784</i>	<i>17.026.899.415</i>

*Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	2.779.367.888	-	-	2.779.367.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.281.643.809	1.934.296.451	972.510.699	25.188.450.959
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.425.957.005	871.934.777	390.159.855	5.688.051.637



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

*Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2021*

	<b>Kinh doanh lương thực</b>	<b>Kinh doanh xăng dầu</b>	<b>Kinh doanh cá cơm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Tài sản bộ phận (trình bày lại)</b>				
Tài sản cố định	137.365.269.321	7.423.645.192	8.284.762.296	153.073.676.809
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	336.779.595.235	12.407.689.220	50.000.000	349.237.284.455
Hàng tồn kho	292.924.244.744	28.711.710.738	6.133.498.570	327.769.454.052
Tài sản không thể phân bổ				85.475.816.617
<b>Tổng</b>	<b>767.069.109.300</b>	<b>48.543.045.150</b>	<b>15.824.649.173</b>	<b>916.912.620.240</b>
<b>Nợ bộ phận (trình bày lại)</b>				
Các khoản phải trả	93.305.069.242	391.852.996	-	93.696.922.238
Phải trả tiền vay				530.630.349.740
Nợ phải trả không phân bổ				21.801.447.496
<b>Tổng</b>	<b>93.305.069.242</b>	<b>391.852.996</b>		<b>646.128.719.474</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý (Tiếp theo)**

*Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

	<b>Thị trường xuất khẩu</b>	<b>Thị trường nội địa</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.066.262.121.964	1.191.619.101.854	4.257.881.223.818

*Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021*

	<b>Thị trường xuất khẩu</b>	<b>Thị trường nội địa</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.383.455.140.843	1.241.980.501.669	4.625.435.642.512

**7.4. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 28 tháng 2 năm 2023

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt





# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 31 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

#### I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1.	<b>Mua vào</b>		
-	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
-	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1.120
-	Xăng dầu	Triệu lít	20
2.	<b>Bán ra</b>		
-	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
-	Cá cơm (thành phẩm)	Tấn	280
-	Xăng dầu	Triệu lít	20
3.	<b>Doanh thu</b>	Triệu đồng	3.562.756
4.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	11.000





## II. Kế hoạch đầu tư

STT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2023 (triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay tối đa	Vốn Công ty & Quỹ ĐTPT	
<b>I.</b>	<b>Chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023</b>	<b>6.500</b>	<b>4.200</b>	<b>2.300</b>	Giá trị đầu tư theo kế hoạch này chưa bao gồm thuế, phí theo quy định
1.	Xí nghiệp CBCC Hòn Chông	4.500	3.150	1.350	
1.1.	Đầu tư tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	4.500	3.150	1.350	
2.	Xí nghiệp KD xăng dầu An Bình	2.000	1.050	950	
2.1.	Đầu tư cửa hàng xăng dầu An Biên	1.500	1.050	450	
2.2.	Xây dựng mới nhà tập thể + nhà ăn	500		500	
<b>II.</b>	<b>Kế hoạch đầu tư mới năm 2023</b>	<b>4.310</b>	<b>945</b>	<b>3.365</b>	
1.	Xí nghiệp Cá Cơm Hòn Chông	2.000		2.000	
1.1.	Đầu tư mở rộng Giàn phơi - Vĩ giai (Dự kiến 850 mét dài + 5.000 cái)	500		500	
1.2.	Đầu tư mở rộng 5.000m <sup>2</sup> sân phơi (Nâng nền khu đất đối diện, xây hàng rào bao quanh)	1.500		1.500	
2.	Xí nghiệp CBLT XK Thanh Hưng	260		260	
2.1	Đầu tư hệ thống báo cháy tự động	260		260	
3.	Xí nghiệp KD xăng dầu An Bình	300		300	
3.1.	Hàng rào bảo vệ sau kho	300		300	
4.	Văn phòng Công ty	1.750	945	805	
4.1.	Mua mới 01 xe ô tô 7 chỗ	1.350	945	405	
4.2.	Kinh phí hạng mục chuyển đổi số	300		300	
4.3.	Đầu tư máy bơm PCCC	100		100	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.810</b>	<b>5.145</b>	<b>5.665</b>	



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.



Bạch Ngọc Văn







# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 82 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;*

*Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023, như sau:

#### 1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		10.956.336.601
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.275.679.625
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	5.680.656.976
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (01% LNST)	01%	56.806.570
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (03% LNST)	03%	170.419.709
3.3.	- Quỹ khen thưởng (02% LNST)	02%	113.613.140
3.4.	- Quỹ phúc lợi (02% LNST)	02%	113.613.140
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	1,76%	100.000.000
3.6.	- Cổ tức chi bằng tiền mặt: 2,0%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 200 đồng/cổ phần (*)	89,54%	5.086.000.000
3.7.	- LNST còn lại chuyển sang năm 2023	0,70%	40.204.417





## 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		11.000.000.000
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023		2.200.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	8.800.000.000
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (02% LNST)	02%	176.000.000
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10%	880.000.000
3.3.	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	440.000.000
3.4.	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	440.000.000
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (1,14% LNST)	1,14%	100.000.000
3.6.	- Trả cổ tức năm 2023, bao gồm: (LNST còn lại năm 2022 + LNST năm 2023 sau khi trừ các quỹ) tương đương 2,68%/vốn điều lệ (*)		6.804.204.417

(\*) Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 (nếu thấy cần thiết), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 33 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022

và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 như sau:

#### **1. Quỹ tiền lương thực hiện người quản lý, người lao động và thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2022**

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý (05 người): 1.752,75 triệu đồng.

1.2. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 20.176 triệu đồng.

1.3. Thù lao HĐQT, BKS, thư ký là 480 triệu đồng, cụ thể:

- Thành viên HĐQT (04 người) : 7 triệu đồng/người/tháng

- Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

- Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

#### **2. Kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý, người lao động và thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2023**

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý, người lao động và thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2023 như sau:





2.1 Kế hoạch quỹ tiền lương của Người quản lý (05 người): 1.994,18 triệu đồng, gồm:

a. Hội đồng quản trị (Trong đó: 01 phó Chủ tịch chuyên trách): 489,05 triệu đồng.

b. Ban kiểm soát (Trong đó: 01 trưởng ban chuyên trách) : 360,38 triệu đồng.

c. Ban điều hành (Tổng giám đốc; 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty) 1.144,752 triệu đồng. Mức tiền lương cụ thể của từng thành viên ban điều hành do Hội đồng quản trị công ty quyết định.

2.2. Kế hoạch quỹ tiền lương của Người lao động: 22.388 triệu đồng

2.3. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, thư ký là 516 triệu đồng, cụ thể:

a. Chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng/người/tháng

b. Thành viên HĐQT (03 người) : 7 triệu đồng/người/tháng

b. Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

c. Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn







## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang  
Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 04 / TT- XNK- BKS

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2023

### TỜ TRÌNH

#### V/v lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (sau đây viết tắt là Công ty);*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.*

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Về các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
  - Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các Công ty đại chúng.
  - Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (*việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC*).
  - Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các Công ty đại chúng tại Việt Nam.
  - Có uy tín về chất lượng kiểm toán.
  - Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang yêu cầu.

Với các tiêu chí trên Ban kiểm soát đề xuất 04 Công ty kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty như sau:

- (1) Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- (2) Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC;
- (3) Công ty TNHH kiểm toán KPMG Việt Nam;
- (4) Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.



## 2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chấp thuận cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán trên, thực hiện việc kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, đồng thời Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của Pháp luật.

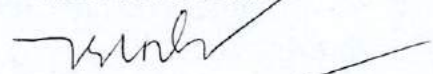
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Trần Thị Mai Trinh**





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 54 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2023

### TỜ TRÌNH

#### V/v Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP XNK Kiên Giang.

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

#### **1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị**

- Số lượng nhân sự Hội đồng quản trị miễn nhiệm: 01
- Nhân sự đề nghị miễn nhiệm: Ông Phan Hung Minh, thành viên Hội đồng quản trị Công ty
- Thời gian miễn nhiệm có hiệu lực: tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

#### **2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 01 người
- Nhiệm kỳ 2021 – 2026
- Số lượng ứng viên thành viên Hội đồng quản trị tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia Hội đồng quản trị (theo khoản 1 điều 155 của Luật Doanh nghiệp và điều 275 nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ).
- Danh sách ứng viên đề cử:
  - + Ông Đặng Quốc Việt





(Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng viên)

(\* Hồ sơ đề cử, ứng cử kiểm soát viên được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu VT.



Bạch Ngọc Văn





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần XNK Kiên Giang;
- Các thành viên HĐQT Công ty cổ phần XNK Kiên Giang.

Tôi tên là: Phan Hùng Minh, hiện đang là thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Nay vì lý do bận việc cá nhân không sắp xếp được thời gian để đảm nhiệm được công việc được phân công, không thể tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ này. Đồng thời, đến thời điểm hiện tại tôi không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Nay tôi làm đơn này kính gửi đến Chủ tịch và các Thành viên HĐQT cho phép tôi được từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty cổ phần XNK Kiên Giang.

Kính chúc Chủ tịch HĐQT cùng toàn thể HĐQT Công ty sức khỏe, thành công và may mắn trong công việc, Chúc Công ty ngày càng phát triển thịnh vượng.

Xin trân trọng cảm ơn./.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2023*  
**Người làm đơn**



*Phan Hùng Minh*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

**Họ và tên** : **Đặng Quốc Việt**

**Ứng cử viên** : **Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: <i>Đặng Quốc Việt</i>	
Giới tính: <i>Nam</i>	
Ngày tháng năm sinh: <i>02/11/1988</i>	
Nơi sinh: <i>Đồng Tháp</i>	
CMND/CCCD: <i>341399878</i>	, ngày cấp: <i>12/11/2013</i> , nơi cấp: <i>CA Đồng Tháp</i>
Quốc tịch: <i>Việt Nam</i>	
Địa chỉ thường trú: <i>Áp 1, Mỹ Ngãi, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp</i>	
Số điện thoại liên lạc: <i>0918.833.365</i>	
Trình độ chuyên môn: <i>Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế</i>	
Quá trình công tác: + Từ tháng <i>5/2010</i> đến tháng <i>11/2011</i> + Từ tháng <i>11/2011</i> đến tháng <i>11/2014</i> + Từ tháng <i>12/2014</i> đến nay	<i>Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn - Nhân viên kinh doanh thủy sản xuất khẩu</i> <i>Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn – Trưởng Bộ phận kinh doanh gạo xuất khẩu</i> <i>Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh – Trợ lý Tổng Giám Đốc</i>
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: <i>không</i>	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: <i>Trợ lý Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh</i>	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): <i>không</i>	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm <i>27/02/2023</i> ):	<i>2.643.000</i> cổ phần, chiếm <i>10,39%</i> vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	<i>0</i> cổ phần, chiếm <i>0%</i> vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	<i>2.643.000</i> cổ phần, chiếm <i>10,39%</i> vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có):	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: <i>0</i> cổ phần	1. Mỗi quan hệ: <i>Bố đẻ</i> . Tên cá nhân/tổ chức: <i>Đặng Ngọc Thành</i> , nắm giữ: <i>0</i> CP, chiếm <i>0%</i> vốn điều lệ. 2. Mỗi quan hệ: <i>Mẹ đẻ</i> . Tên cá nhân/tổ chức: <i>Nguyễn Thị Thu Nguyệt</i> , nắm giữ: <i>0</i>



	CP, chiếm 0 % vốn điều lệ.
	3. Mỗi quan hệ: Anh trai. Tên cá nhân/tổ chức: Đặng Thế Sự, nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ.
	4. Mỗi quan hệ: Vợ. Tên cá nhân/tổ chức: Đào Thị Thùy Linh, nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ.
	5. Mỗi quan hệ: Con. Tên cá nhân/tổ chức: Đặng Phát Đạt, nắm giữ: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2023

**Người khai ký tên, ghi rõ họ tên**



**Đặng Quốc Việt**





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 35 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2023

### TỜ TRÌNH

#### V/v Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP XNK Kiên Giang.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

#### 1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh kiểm soát viên

- Số lượng nhân sự kiểm soát viên miễn nhiệm: 01 kiểm soát viên
- Nhân sự đề nghị miễn nhiệm: Bà Vũ Thị Minh Hiền, nguyên phó trưởng phòng Tổ chức hành chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Thời gian miễn nhiệm có hiệu lực: tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

#### 2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng kiểm soát viên: 01 người
- Nhiệm kỳ 2021 – 2026
- Số lượng ứng viên Kiểm soát viên tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia Ban kiểm soát (theo điều 169 của Luật Doanh nghiệp và điều 286 nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ).
- Danh sách ứng viên đề cử:
  - + Bà Trần Thị Phương Lan





(Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng viên)

(\**) Hồ sơ đề cử, ứng cử kiểm soát viên được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu VT.



**Bạch Ngọc Văn**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên : **Trần Thị Phương Lan**

Ứng cử viên : **Kiểm soát viên**

Họ và tên:	Trần Thị Phương Lan
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	12/01/1984
Nơi sinh:	Hải Dương
CMND/CCCD: 030184002565	Ngày cấp: 15/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	35/50A Đỗ Thừa Luông, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0988 110 184
Trình độ chuyên môn:	- Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, hình thức đào tạo chính quy, loại khá. - Chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng cấp ngày 06/10/2012. - Trình độ ngoại ngữ: B Anh văn. - Trình độ Tin học: A.
Quá trình công tác:	- Từ tháng 12/2007 - 04/2013: chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông. - Từ tháng 05/2013- 03/2015: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông. - Từ tháng 12/2016 - 23/01/2019: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam. - Từ ngày 24/01/2019 – 21/07/2020: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. - Từ ngày 22/07/2020 – 09/12/2021: Chuyên viên Ban Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. - Từ ngày 10/12/2021 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.



<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Không có</i>	
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.</i>	
<i>Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):</i>	
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm / /2023):</i>	..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	..... cổ phần, chiếm..... % vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	..... cổ phần, chiếm..... % vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:</i>	1. <i>Mối quan hệ: ....., Tên cá nhân/tổ chức: ..... nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ.</i>
	2. <i>Mối quan hệ: ....., Tên cá nhân/tổ chức: ..... nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ.</i>

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

TPHCM, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên

*Uulan*

*Erân Thị Phương Lan*





## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: /QC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày tháng 3 năm 2023

### **QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CTCP XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.*

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang như sau:

#### **I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- BKS	Ban kiểm soát
- BTC	Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu	Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

#### **II. Chủ tọa tại đại hội**

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

#### **III. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

- Số lượng thành viên HĐQT: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2021- 2026
- Số lượng ứng cử viên thành viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ Công ty)



Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử bảy (07) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT: Ứng cử viên tham gia HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14);

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty;

- Không được là người có quan hệ gia đình (*vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng*) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

- Thành viên HĐQT Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 Công ty khác.

#### **IV. Quy chế đề cử ứng cử thành viên BKS**

- Số lượng thành viên BKS: 01 người

- Nhiệm kỳ: 2021 - 2026

- Số lượng ứng cử viên thành viên BKS tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS: (*theo Điều 37 Điều lệ công ty*)

Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;



từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên BKS: Ứng cử viên tham gia BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và không thuộc các trường hợp sau: *(Theo khoản 2 điều 38 Điều lệ công ty)*

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

#### **V. Nguyên tắc bầu cử**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đại hội đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS.

#### **VI. Phương thức bầu cử**

- Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*

+ Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT, BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

+ Cách ghi Phiếu bầu cử:

- o Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.
- o Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.



o Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

+ Gạch tên các ứng cử viên;

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

+ Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (nếu cần).

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của công ty.

## **VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên**

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.



**VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS**

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT, BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.

- Người đề cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trước 16h00 ngày 17/3/2023 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Địa chỉ : số 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại: (0297) 3863 491 – Fax: (0297) 3862 309

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;*

*Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/3/2023.*

**QUYẾT NGHỊ:**

Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được tổ chức vào ngày 28/3/2023, với sự tham gia của \_\_\_\_\_ Cổ đông và đại diện Cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho \_\_\_\_\_ Cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm \_\_\_\_\_ tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023**

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 2: Thông qua báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023**

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 3: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán**

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 4: Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023**

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1.	Mua vào		
1.1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
1.2	Cá com (quy tươi)	Tấn	1.120
1.3	Xăng dầu	Triệu lít	20
2.	Bán ra		
2.1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	250.000
2.2	Cá com	Tấn	280
2.3	Xăng dầu	Triệu lít	20
3.	Doanh thu	Triệu đồng	3.562.756
4.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.000

2. Kế hoạch đầu tư

S T T	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2023 (Triệu đồng)			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay tối đa	Vốn Công ty & Quỹ ĐTPT	
1.	Xí nghiệp Cá com Hòn Chông	6.500	3.150	3.350	
1.1	Chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023	4.500	3.150	1.350	
1.2	Kế hoạch đầu tư mới năm 2023	2.000		2.000	
2.	Xí nghiệp An Bình	2.300	1.050	1.250	



2.1	Chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022 sang năm 2023	2.000	1.050	950
2.2	Kế hoạch đầu tư mới năm 2023	300		300
3.	Xí nghiệp CBLT XK Thanh Hưng	260		260
4.	Văn phòng Công ty	1.750	945	805
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.810</b>	<b>5.145</b>	<b>5.665</b>

(Giá trị đầu tư trên chưa bao gồm thuế, phí theo quy định.)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_ % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 5: Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, như sau:

S T T	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		10.956.336.601
2.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		5.275.679.625
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	5.680.656.976
3.1	- Quỹ thưởng người quản lý (1% LNST)	1%	56.806.570
3.2	- Quỹ đầu tư phát triển (03% LNST)	3%	170.419.709
3.3	- Quỹ khen thưởng 02% LNST, phúc lợi 02% LNST	4%	227.226.280
3.4.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (1,76% LNST)	1,76%	100.000.000
3.5.	Cổ tức chi bằng tiền mặt được chia trong năm 2023 là 2,0%/Vốn điều lệ tương ứng 200 đồng/cổ phần. (*)	89,54%	5.086.000.000
3.6.	LNST còn lại chuyển sang năm 2023	0,70%	40.204.417

2. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023



STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		11.000.000.000
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023		2.200.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	8.800.000.000
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (02% LNST)	02%	176.000.000
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10%	880.000.000
3.3.	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	440.000.000
3.4.	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	440.000.000
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (1,14% LNST)	1,14%	100.000.000
3.6.	- Trả cổ tức năm 2023, bao gồm: (LNST còn lại năm 2022 + LNST năm 2023 sau khi trừ các quỹ) tương đương 2,68%/vốn điều lệ (*)		6.804.204.417

(\*) Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 (nếu thấy cần thiết), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

#### **Điều 6: Thông qua tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2023**

1. Quỹ tiền lương thực hiện người quản lý, người lao động và thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2022:

a) Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý (05 người): 1.752,75 triệu đồng.

b) Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 20.176 triệu đồng.

c) Thù lao HĐQT, BKS, thư ký là 480 triệu đồng, cụ thể:

- Thành viên HĐQT (04 người) : 7 triệu đồng/người/tháng



- Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

2. Thông qua kế hoạch quỹ tiền lương người quản lý, người lao động và thù lao của HĐQT, BKS, thư ký năm 2023

a) Kế hoạch quỹ tiền lương của Người quản lý (05 người): 1.994,18 triệu đồng, cụ thể:

- Hội đồng quản trị (Trong đó: 01 phó chủ tịch HĐQT chuyên trách): 489,05 triệu đồng.
- Ban kiểm soát (Trong đó: 01 trưởng ban chuyên trách): 360,38 triệu đồng
- Ban điều hành (Tổng giám đốc, 01 phó tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng): 1.144,75 triệu đồng. Mức tiền lương cụ thể của từng thành viên ban điều hành do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

b) Kế hoạch quỹ tiền lương của người lao động: 22.388 triệu đồng.

c) Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, thư ký là 516 triệu đồng, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT (01 người) : 10 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT (03 người) : 7 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên BKS (02 người) : 4 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký (01 người) : 4 triệu đồng/người/tháng

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương người quản lý, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký năm 2023 nhưng không vượt quá tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 7: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023**

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền



biểu quyết dự họp.

**Điều 8: Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 9: Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: \_\_\_\_\_ Cổ phần, chiếm \_\_\_\_\_% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 10: Kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Đại hội đã bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
I.	Hội đồng quản trị			
II.	Ban kiểm soát			

**Điều 11. Triển khai thực hiện Nghị quyết**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất



nhập khẩu Kiên Giang được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

***Nơi nhận:***

- Cổ đông Kigimex;
  - Tổng công ty LTMN;
  - HĐQT Công ty;
  - BKS công ty;
  - Ban TGD Công ty;
  - Các phòng nghiệp vụ;
  - Lưu: VT.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2023).*